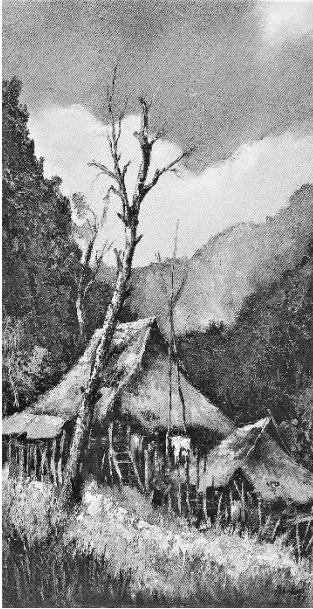


ĐỒI GIÓ HÚ

Phong Châu

I



O Kha sống một mình trong căn nhà ở lưng chừng Đồi Gió Hú được bao bọc bởi rừng thông xanh lộng gió. Thực ra đó chỉ là một cái chòi lớn chứ chẳng phải là một ngôi nhà như tên gọi. Chòi có mái lợp bằng những tấm tôn cũ sét loang lổ và vách là những tấm ván còn nguyên những bọt xù xì của vỏ cây thông màu nâu đen lổ chỗ. Muốn đến được căn chòi này thì phải leo lên con dốc chừng ba trăm mét bằng con đường mòn nhỏ len lỏi giữa rừng thông hai bên đầy cỏ lau và hoa dại. Cách dưới chân đồi chừng năm trăm mét là ngôi làng nhỏ gồm khoảng chục gia đình của người dân thiểu số Kô Hô. Đồi Gió Hú là cái tên do O Kha đặt và nói cho những người có dịp mạo hiểm ghé thăm căn chòi của

O. Có người hiếu kỳ muốn biết tại sao lại có tên Đồi Gió Hú thì O Kha chỉ nghiêm sắc mặt mà nói:

- Muốn biết tại sao thì cứ ở lại đây một đêm là biết...

Nghe câu nói lạnh lùng của O khiến người ta cảm nhận ra một điều gì đó có vẻ bí ẩn đang được che giấu. Sự bí ẩn về căn chòi và người phụ nữ tên Kha một dạo được bàn tán xôn xao của những người dân Đà Lạt vào những năm ở thập niên 50 của thế kỷ trước khi vùng cao nguyên Langbian còn được gọi là Đồng Nai Thượng trực thuộc lãnh địa của hoàng gia nhà Nguyễn dưới cái tên Hoàng Triều Cương Thổ. Người ta truyền miệng với nhau rằng O Kha vốn là một cô gái Huế, quê quán ở làng Kim Long phía tả ngạn của sông Hương, nơi nổi tiếng có nhiều gái đẹp của đất thần kinh. Tương truyền hai câu thơ “*Kim Long có gái mỹ miều. Trẫm thương trẫm nhớ trẫm liều trẫm đi*” là của vua Thành Thái để nói lên gái Kim Long “*sắc nước hương trời*” như thế nào!

Khi vùng Cao Nguyên Trung Phần bao gồm cả Đà Lạt, Ban Mê Thuột, Pleiku thuộc lãnh thổ của triều Nguyễn thì vào thời đó những ai muốn đến Đà Lạt lập nghiệp không phải là dễ, phải có hai người đứng ra bảo lãnh mới được nha công an hoàng triều trực thuộc văn phòng quốc trưởng cấp phép. Trong khoảng thời gian 1936 đến 1955 đa số những người được đến lập nghiệp tại Đà Lạt là dân Thừa Thiên - Huế. Khi vào đây họ được sống tập trung ở một số khu vực như ấp Ánh Sáng, Ấp Số 4, Ấp Số 6 và khu vực Cầu Queo, có người đi xa hơn, lên tận cây số 7, cây số 9. Dần dà dân chúng tản mát ra tứ phía tạo thành khu đô thị mà trung tâm nằm trên một ngọn đồi có một ngôi chợ làm bằng gỗ, mái bằng tôn gọi là “Chợ Cây” là nơi tập trung buôn bán của các sắc dân của vùng cao nguyên thời bấy giờ. Vài năm sau chợ này được xây bằng các vật liệu mới. Thời Đế Nhất Cộng Hòa, Chợ Cây biến thành Hội Trường Hòa Bình khi khu chợ mới như hiện nay được xây lên ở một khu đất trũng gần đó vào năm 1958 và được khánh thành vào năm 1960.

O Kha là một trong những người nằm trong đợt đầu tiên được thân nhân là người cậu tên Có, một viên đội trong đội ngự - lâm - quân bảo lãnh cho vào sống ở Đà Lạt. Đội Có đi lính Tây có đạo được đưa qua tận xứ Algérie, sau khi trở về nước được sung vào đoàn ngự - lâm - quân đồn trú tại dinh I của vua Bảo Đại. O Kha ngụ tại nhà của Đội Có tại ấp Ánh Sáng. Thế thì tạo sao O Kha lại đang sống ở một nơi xa thành phố và chung đụng với dân tộc Kô Hô như vậy? Những người lớn tuổi sống tại Đà Lạt vào thời đó hầu như đều biết câu chuyện của O Kha và họ truyền miệng nhau từ người này sang người khác.

Vào một buổi sáng mùa đông rất lạnh - lạnh thấu xương – như lời của những người dân xứ Huế của thời mà nhiều người “áo không đủ ấm”, sương mù còn lảng vảng trên những ngọn tre oằn cành trên mặt nước dòng sông Hương ở bờ bắc, một con thuyền nhỏ có mái vòm cong đan bằng tre rời bến chở theo hai người đàn bà. O Kha được bà Mạ là vợ của ông Đội Có lặn lội từ Đà Lạt ra tới Huế để đưa O vô Đà Lạt sau khi chồng của O chết do bệnh lao. O Kha tuổi mới ngoài ba mươi, vẫn còn

trẻ đẹp như một thiếu nữ chưa lập gia đình, không có con nên việc từ bỏ làng để ra đi cũng không có gì vương vís tuy trong lòng O vẫn cảm thấy mắc mứu những điều lo ngại. Không biết rồi đây nơi xứ lạ quê người cuộc sống sẽ ra sao! Hai người đàn bà, một ngồi ở phía đầu thuyền, một ngồi ở phía cuối thuyền, không ai nói với ai một lời nào cho đến khi chiếc thuyền nhỏ cập vào một bến đò gần cầu Gia Hội. Chiếc xe kéo đưa hai người đàn bà đến ga xe lửa. Giữ hai tấm vé trong tay, bà Mạ nắm lấy tay O Kha dắt lên tàu ngồi ở băng ghế dài bằng gỗ. Tàu chạy. Cuộc hành trình hai ngày hai đêm đoạn đường dài Huế - Đà Lạt khiến O Kha cảm thấy mệt mỏi và tự trách mình tại sao phải bỏ quê để vào một nơi quá xa xôi. Bù lại, khi nhìn ra ngoài cửa con tàu, O Kha cũng cảm thấy thích khi tàu chạy qua các khu dân cư, những cánh đồng ruộng xanh, những rừng cây, rừng dừa cùng những bờ biển, núi non... cứ chạy thụt lùi ngược chiều với con tàu. Nhìn cảnh sinh hoạt nơi các sân ga con tàu dừng lại cho khách hàng lên xuống O Kha cũng thấy vui và lạ mắt. O không nhớ hết tên những ga, nơi con tàu dừng lại nhưng O cũng không quên những cái tên nghe rất hay như ga Faifo, ga Tam Quan, ga Bồng Sơn, ga Quy Nhơn, ga Diêu Trì, ga Nha Trang, ga Tháp Chàm. Đặc biệt khi tàu đến ga Tháp Chàm, bà Mạ và O xuống tàu chuyển sang một chuyến tàu khác để đi Đà Lạt. Bà Mạ nói với O rằng *“vì tàu lửa phải chạy lên dốc cao nên phải có một đầu máy và những toa tàu đặc biệt có răng cưa để bám vào đường ray cho tàu khỏi bị tuột dốc”*. Đó là đoạn đường từ đèo Krông Pha lên tới Đà Lạt.

Rời Huế vào một buổi sáng mùa đông, O Kha những nghĩ mình sẽ không còn phải chịu đựng cái lạnh nhức xương ở làng Kim Long. Nhưng khi con tàu con tàu ịch trườn lên những đoạn dốc quanh co ven núi cũng là lúc cơn gió lạnh từ ngoài tạt vào mặt O thì O lại nghĩ tại sao mình lại bỏ nơi lạnh giá để vào nơi lạnh lẽo như thế này. Nhìn phong cảnh hai bên khi con tàu chạy với tốc độ của người đi bộ O cũng lấy làm thích nhưng khi nghĩ tới những ngày tháng sắp tới thì trong bụng O cũng lo âu không ít mặc dầu O đã nghe những lời của người cậu qua lời bà Mạ là sẽ có một đời sống *“không cực khổ như ngoài mình”*. Tại

Đà Lạt ông Đội Có nhận được điện tín của vợ từ Huế gửi vào năm hôm trước báo cho ông hay là hai mợ cháu sẽ đến ga Đà Lạt vào buổi chiều ngày ngày 26 tháng 3 năm 1946. Hôm đó ông Đội Có mượn được chiếc xe jeep của sếp lái đến tận ga để đón vợ và O Kha về nhà ở ấp Ánh Sáng.

Một đêm ngủ vui sau chuyến đi dài mệt mỏi, O Kha tung mền thức dậy mà cảm thấy vẫn còn thèm ngủ. Nhưng cái lạnh ở xứ cao nguyên này làm cho đầu óc O tỉnh táo nhẹ nhõm hẳn và hình như O cũng đã cảm nhận được sự hội nhập mau mắn của mình đối với khung cảnh thiên nhiên nơi đây vẫn còn đậm màu hoang dã. O đến trước cửa sổ đưa mắt nhìn ra ngoài thì thấy cả một màn sương lam đang la đà phủ trên mặt nước hồ Grand Lac (1) ở bên kia chiếc cầu ngắn có tên là cầu Ông Đạo (2). Xa xa hơn một chút là liên tiếp những ngọn đồi cao đồi thấp cỏ xanh um, sau O được biết đó là Đồi Cù. Nơi O đang ở gọi là Ấp Ánh Sáng, một trong những khu xóm đầu tiên của thành phố Đà Lạt mà theo lời ông Đội kể thì ấp này được hình thành đồng thời với Ấp Hà Đông vào những năm 1936 – 1937. Ấp Hà Đông gồm dân của tỉnh Hà Đông ngoài Bắc được đưa vào Nam trước cuộc chiến tranh Pháp Việt bùng nổ, nơi đây là khu chuyên trồng các loại rau củ có giống từ Pháp đưa qua, đặc biệt là dâu Tây. Còn Ấp Ánh Sáng thì toàn dân Huế, đa phần cũng làm nghề trồng rau xanh như bắp cải, cà rốt, khoai tây, su lơ, su su...một số trồng các loại hoa.

Khoảng một tuần sau khi đặt chân đến đất Đà Lạt O Kha được bà Mai dắt đi chợ, ngoài việc mua sắm thức ăn và đồ dùng lặt vặt trong nhà, bà còn đưa O vào tiệm may để đặt may cho O hai chiếc áo dài. Bà nói với O: *“Ở đây đàn bà con gái đi ra đường là phải mặc áo dài chứ không*

(1) Grand Lac: Hồ Xuân Hương

(2) Cầu Quản Đạo hoặc cầu Ông Đạo: Quản đạo là viên chức cai trị một tỉnh nhỏ hoặc một thành phố. Quản đạo thời đó là ông Phạm Khắc Hòe. Đạo là tỉnh hoặc thành phố, tên gọi dưới triều nhà Nguyễn.

mặc đồ ngắn”. Bà ghé tiệm bán đồ ấm nằm trên đường Rue Annam (3) để mua cho O chiếc áo laine màu xanh đậm và đôi guốc sơn màu đen. Nhớ lúc còn ở ngoài Huế O chỉ mặc áo dài những khi đi ăn đám kỵ đám giỗ hoặc trong mấy ngày tết để đón bà con đến thăm. Trên đường về bà Mạ nói với O: *“Vài bữa nữa cậu sẽ đưa mẹ và con đến dự một bữa tiệc do viên quản lý người Pháp ở trong khu Cité Decoux mời”* (4). Bà còn nói với O rằng: Cité Decoux là khu nghỉ mát của lính hải quân Pháp, khu này nằm ở hướng bắc, cách thành phố ba cây số, ông Đội trước kia đi lính Tây nên ông nói tiếng Tây khá rành và thường giao du với một số người Pháp ở Đà Lạt trong đó có ông Claire Dubois, sĩ quan giải ngũ và được giao quản lý khu vực Cité Decoux. Tuy gọi là thành phố (cité) nhưng nơi đó chỉ có chừng hai chục căn biệt thự xây dựng theo kiểu Âu Châu thời đầu thế kỷ hai mươi. Bà còn kể cho O rất nhiều chuyện có liên quan đến thành phố Đà Lạt, đặc biệt là chuyện của “Ngài Ngự” tức là vua Bảo Đại. Vua rất thương và dành nhiều ưu đãi cho dân Thừa Thiên – Huế vào định cư ở Đà Lạt, trong đó có việc cấp cho họ có thẻ Carte d’ identité tức là một loại thẻ căn cước chứng nhận cư dân của Hoàng Triều Cương Thổ. Ai cầm được thẻ này trong tay thì có thể đứng ra bảo lãnh cho thân nhân hay người quen vào ở Đà Lạt. Bà còn kể chuyện nhiều lần ông Đội được ông Claire Dubois rủ đi săn ở Tour de Chasse mà người Việt thường gọi là “Vòng Săn Lâm Viên” chạy từ đầu nguồn hồ Than Thở cho đến gần tận chân Núi Bà, lối vào các buôn làng của người Thượng miệt cây số 9 để đến Suối Vàng Suối Bạc và đập thủy điện Ankroet.

Trong bữa tiệc diễn ra tại khách sạn Palace gia đình ông Đội Có được sắp xếp ngồi gần bàn viên quản lý Cité Decoux. Sở dĩ như vậy là do ông

(3): Rue Annam: Tên đường thời đó ghi bằng tiếng Pháp.

Thời Đệ Nhất Cộng Hòa đổi sang tiếng Việt.

(4) Jean Decoux: Tướng hải quân Pháp. Toàn quyền Đông Dương 1940 – 1945

Đội có nói với Claire Dubois là có đứa cháu gái xinh đẹp từ ngoài trung mới vào Đà Lạt mà ông muốn giới thiệu. Đối với O Kha, trước khung cảnh và người xa lạ O không khỏi bối rối và có phần lo sợ mặc dù ông Đội và bà Mai đã tìm cách giải thích và trấn an O vì trong tương lai O sẽ được tiếp xúc với nhiều giới tai to mặt lớn ở Đà Lạt. Tuy chỉ là một viên đội nhưng ông Đội có sự giao tiếp rộng rãi với nhiều người trong chính quyền cũng như giới thương gia giàu có ở Đà Lạt. Trong quá khứ ông cũng đã giúp nhiều thương gia có được những giấy phép đặc biệt để kinh doanh kể cả việc nhập cảng một số mặt hàng xa xỉ từ Pháp và một số nước ở Âu Châu.

Trong suốt buổi tiệc O Kha chẳng những không hiểu những câu chuyện giữa ông Đội Có và những người Pháp mà O cũng không hiểu chuyện của những người Việt Nam trao đổi với nhau. Họa hoằn O mới nghe được đôi câu tiếng Việt từ những thực khách ngồi bàn bên cạnh. Về thức ăn thì bà Mai là người lấy những món ăn cho vào đĩa của O chứ O cũng không biết cầm muống cầm nĩa thế nào. O chỉ ăn vài cọng rau và miếng thịt hầm do bà Mai ép mãi. Giữa buổi tiệc ồn ào bởi tiếng cười tiếng nói, O Kha cảm thấy vô cùng khó chịu. O muốn rời bàn tiệc chạy ra ngoài để về nhà. Cũng vừa lúc đó, ông Claire Dubois tay cầm ly rượu bước tới và cúi gập đầu chào ông Đội và mọi người trong bàn. Ông ta cũng không quên nhìn thẳng vào O Kha và cúi đầu thấp hơn để chào O. Ông ta nói điều gì đó với ông Đội Có rồi hai người cùng đứng lên nâng ly đồng thời mọi người trong bàn cũng đồng loạt đứng dậy và nâng ly. Bà Mai cầm sẵn một ly rượu trong tay đưa cho O Kha và bảo O uống để đáp lễ ông Claire Dubois. Thấy mọi người uống rượu một cách vui vẻ, O Kha cũng đành đưa ly rượu lên miệng uống. Xong O ngồi phịch xuống ghế, mặt đỏ gay và đầu óc nghe chùng chùng như có muôn ngàn tiếng sấm tiếng sét đang nổ rang. Và O không còn biết gì nữa.

Hôm sau khi O Kha thức dậy thì mặt trời đã quá trưa. O mất hết vài phút để nhớ chuyện gì đã xảy ra vào đêm hôm trước khi ông bà Đội và O đến dự bữa tiệc ở khách sạn Palace. O thấy thân thể của O như rũ rượi hẳn ra, toàn thân ê ẩm và hai cánh tay nhấc không lên. Có chuyện

gì xảy ra với O? O nhìn vào bộ áo quần O đang mặc thấy xốc xếch quá đổi, tóc O hình như có ai đó làm cho rối tung...Rồi O chợt có cảm giác là đêm qua đã có ai đó đụng chạm vào thân thể của O. Điều O nghĩ đến đã khiến cho O phải rùng mình. Thật sự có chuyện ấy sao? Lẽ nào người cậu của O bày ra chuyện này hay sao? O nhớ...có một ông Tây cầm ly rượu và cúi đầu chào O rồi nói với ông đội điều gì đó...rồi O bị người mợ đưa ly rượu ép uống. Đầu óc của O rối tung và O bật khóc cùng mấy tiếng thì thào “*cậu ơi là cậu...mợ ơi là mợ...*”

Buổi chiều khi bà Mạ dọn một bữa cơm thịnh soạn lúc ông Đội vừa đi làm về. Bà kêu O Kha ra ăn cơm nhưng O lấy cớ đau bụng để nằm yên



trong phòng. Nhìn vào cửa phòng không còn nghe O Kha động tĩnh, ông Đội nhẹ nhàng lấy từ túi áo ra hai tờ giấy xăng (5) đưa cho bà Mạ rồi đứng lên ra sân đạp cho nổ máy chiếc motobécane và phóng đi.

Mấy cuối tuần liên tiếp O Kha vì sợ người cậu và cũng muốn đi đây đi đó cho biết nên O đã bằng lòng theo ông để thám tòng mấy chuyến đi săn ở Tour de Chasse với điều kiện là phải có bà Mạ đi theo. Đến địa điểm săn O bám sát bà Mạ không rời một bước vì lấy cớ đau bụng, nhức đầu...phải ngồi một chỗ nên ông Đội cùng ông Claire Dubois và mấy người nữa vác súng đi săn.

Sau khi săn được thú, thường là một con nai, con mễn, có khi là heo rừng hoặc vài con chim, ông Đội lái xe thẳng vào làng Mang Linh nằm

(5) Xăng (Cent): 100 đồng tiền Đông Dương

dưới chân Núi Bà. Nơi đây họ mổ thú và làm các món ăn, bà Mai là người đứng ra nấu nướng với những loại gia vị bà mang theo sẵn. Trong căn nhà sàn của ông Già Làng Ka Mia (6) họ quây quần uống hết cả hũ rượu cần cho đến say, lúc tỉnh rượu thì trời đã tối mịt mới lái xe ra về.

Trong những lần như thế O Kha để tâm theo dõi cách sinh hoạt của người Thượng thuộc bản tộc Kô Hô. Vì tiếp xúc nhiều với người Kinh nên có một số người nói tiếng Việt khá rành. O còn nghe nói trong bản làng này còn có một số gia đình mà người nhà biết nói cả tiếng Pháp, họ chơi thân và thường đi săn với một số người Pháp, trong đó có cả ông Claire Dubois. Một người con của Già Làng trước đây được một gia đình quan chức Pháp bảo trợ và cho đi học ở trường Petit Lycée sau lên học ở Grand Lycée. Thấy đời sống của những người Thượng Kô Hô đơn giản và chân thật nên O Kha, mỗi lần có dịp gần gũi với họ, O thường hay hỏi điều này điều nọ liên quan tới đời sống. Có một đặc tính mà O khám phá nơi họ là tính thành thật. O cũng được vợ chồng ông Đội kể những câu chuyện về việc mua bán của người Thượng. Họ mang than củi, lan rừng, rau trái, heo gà ra chợ bán và nói giá nhất định chứ không bao giờ nói thách. Người Kinh ưa trả giá kì kèo bớt một thêm hai cỡ nào họ cũng nhất định không bán. Những hàng không bán được họ mang về nhà chứ không bán với giá rẻ. Những ngày sau họ lại mang những món hàng của ngày hôm trước ra bán. Về sau người Kinh biết được tính cách của họ nên khi mua hàng của người Thượng họ không còn trả giá nữa.

Một buổi sáng khi O Kha vừa bước ra khỏi phóng ngủ thì bất chợt gặp ông Đội Có ngay cửa phòng với bộ đồng phục ngư-lâm-quân. Hôm nay ông đi làm trễ. Vừa thấy O, ông Đội Có cười và nói: *“Bữa ni con thấy*

(6) Già Làng: Vị tộc trưởng của bộ tộc Kô Hô
Người Việt ở Đà Lạt gọi là Mọi Mạ

khỏe trong người rồi phải không?”. Không chờ cho O trả lời, ông Đội vội nắm lấy tay O và đặt vào đó ba tờ giấy xăng (cent). Ông nói: “Đây



là quà của ông Claire Dubois gửi cho con, con giữ và muốn tiêu xài mua sắm chi thì cứ việc...chủ nhật ni con đi coi xi nê với cậu mợ...coi phim hay lắm...”. Chỉ một câu ngắn ngủi rồi ông vội bước ra cửa trước vặn trái khóa đi ra sân. Tiếng

máy nổ bình bịch của chiếc motobécane khiến O nhức cả đầu. Ông Đội biết mình và vợ đã dàn dựng cho Claire Dubois gỡ trò với O Kha vào đêm tiệc ở khách sạn Palace nên ông ít muốn đối diện và nói chuyện lâu với đứa cháu vì mặc cảm tội lỗi. O Kha cũng cảm thấy như vậy. Từ đó ông ít khi có mặt trong những bữa cơm chiều mà thoái thác vì công việc để tránh cái nhìn có vẻ như là oán hận của đứa cháu. Đối với O Kha thì ngay sau khi xảy ra vụ tồi tệ như thế thì O nghĩ rằng ông Đội không phải vì thương và muốn đùm bọc đứa cháu mà đã sai bà vợ ra tận Huế để đưa O vào. Nhưng O đã im lặng và chịu đựng. Trong đầu O đang nghĩ cách để rời khỏi gia đình người cậu nhưng chưa biết bằng cách nào vì O vừa mới chân ướt chân ráo vào xứ sở lạnh lẽo này, ngoài gia đình cậu mợ thì O không quen biết một ai và tiền bạc cũng chẳng có nên O chưa biết xoay xở bằng cách nào.

Cầm ba tờ giấy bạc trên tay O Kha lật qua lật lại chỉ thấy toàn chữ Tây trên có hình của một người đàn ông mặc áo dài khăn đóng kế bên là hình một người đàn bà mặc theo lối mấy bà đầm O thấy ở phố chợ Đà Lạt. Hồi ở ngoài Huế O chỉ thấy tờ giấy bạc năm mươi xu, mười xu, tờ một đồng và mấy đồng cắc mà thôi. O không biết đây là những tờ giấy trị giá rất lớn. O bước trở vô phòng và thấy ba tờ giấy bạc xuống giường rồi trở ra nhà ngoài. Biết số tiền ba trăm là một số tiền rất lớn nên O nảy ra ý định sẽ dùng số tiền đó để thực hiện một cuộc chạy trốn. Và cũng từ hôm đó O làm mặt lạnh với cả vợ chồng ông Đội. Phần ông Đội

thấy thế cũng mừng trong bụng. Ông bảo bà Mai cứ năm bảy bữa thì dắt O đi chơi hoặc đến thăm một số gia đình quen biết, đồng thời mua sắm thêm cho O một số vật dụng của phụ nữ ngoài việc sắm thêm quần áo guốc giép cho O. Phần O, O cứ để mặc kệ cho hai ông bà muốn mua sắm gì tùy ý, O không từ chối. Cũng có nhiều lần O xin phép bà Mai để O đi chợ hay ra phố một mình cho biết thêm những sinh hoạt ở đây. Thực ra là O đã có những dự tính riêng của mình...

Một hôm O Kha đi ra chợ để xem phố xá, cảnh buôn bán quanh chợ, nhất là O muốn đến nơi có những người Thượng tụ tập để bán những sản phẩm của họ như than, củi, đặc biệt là loại củi ngo (7) và phong lan, thỉnh thoảng họ cũng vác con nai, con mễn hoặc heo rừng để bán cho mấy chủ nhà hàng quen có dặn trước. Sau khi đi một vòng quanh Chợ Cây, O ghé vào một quầy hàng bán đồ khô bên trong để mua năm bịch muối và trở ra quầy bên ngoài mua năm ổ bánh mì. Vừa bước ra khỏi chợ O thấy một toán người Thượng khoảng chừng chín mười người, đàn ông có, đàn bà có đang từ đường Rue Annam tiến về phía chợ. Họ đi theo hàng một xen lẫn đàn ông và đàn bà, hình như có cả một hai thiếu nữ. Người nào cũng mang một chiếc gùi trên vai trong có chất đầy than, củi ngo, vài người mang đầy gùi phong lan...Đàn ông thân trần mặc khố, đầu tóc bóm xồm và miệng ngậm ống vố dài làm bằng gỗ. Đám đàn bà mặc những chiếc xà rông dài quá gối và để ngực trần, có một hai bà già miệng cũng ngậm ống vố. O đứng một chỗ ở góc chợ và chờ cho đám người Thượng đi đến một khoảng đất trống gần hành lang của dãy kios, bỏ gùi ra khỏi vai, đặt xuống bãi đất trống. Người đứng người ngồi đưa mắt trông như để mời khách hàng đến mua sản phẩm của họ. Sau khi quan sát một lúc O Kha thấy trong đám

(7) Củi ngo: lấy từ gốc cây thông già có nhiều nhựa để nhóm bếp

có hai người đàn ông mà O đã từng thấy ở nhà sàn của già làng Ka Mia trong vài lần O theo đoàn đi săn. O không biết tên của cả hai người nhưng chắc chắn O không thể nào quên từng khuôn mặt của họ. O bước vội đến và len vào giữa đám người Thượng, ngồi thụp xuống. O cười và lên tiếng *“chào các anh chào các chị”* trong khi mắt nhìn vào hai người mà O biết mặt. Đồng thời ngay lúc đó hai người Thượng tỏ vẻ ngạc nhiên và một trong hai người lên tiếng *“tui chào cô”*. Thế là họ đã nhận ra nhau. Sợ người đi chợ nhìn thấy, nhất là sợ người mợ tình cờ ra chợ bắt gặp nên O vội nói với hai người O biết *“gặp các anh, các chị tui rất vui, hôm nay tui có tí quà để tặng cho các anh các chị...”* vừa nói O đưa mắt nhìn một vòng và đếm nhẩm là có chín người. O liền đặt mấy bịch muối và bánh mì xuống đất rồi đứng lên đi vào trong chợ mua thêm bốn bịch muối và bốn ổ bánh mì. Trở lại O tự tay giao phần quà cho từng người. Cầm quà trong tay người nào cũng nói *“tui cảm ơn...tui cảm ơn...”*. Không để mất thì giờ O hỏi hai người quen tên họ là gì thì họ cho biết một người là Xà Biên và người kia là Kờ Na. Bảy người kia nghe được O và hai người nói chuyện với nhau thì họ đã hiểu ra là O đã có vài lần không những đến ngôi làng nhỏ Mang Linh mà còn được ông Giàng tiếp đãi tử tế. Họ không nói nhưng người nào cũng nở nụ cười rất tươi đầy thiện cảm. O Kha hỏi chừng nào thì họ mang hàng xuống chợ để bán nữa. Anh Xà Biên nhìn sang anh Kờ Na như để hỏi rồi trả lời cho O biết là *“thêm ba ngày nữa”* đồng thời đưa ba ngón tay ra dấu cho O biết. Chờ có thể O Kha đứng dậy tách ra khỏi đám người Thượng để trở về nhà và trong đầu O nghĩ thêm vài chuyện mà O phải thực hiện trong thời gian tới.

Những lần gặp sau đó khiến đám người Thượng vui lắm vì thường xuyên nhận được những món quà từ O Kha, lúc thì vài bịch kẹo bịch bánh, lúc thì bịch muối bịch đường, thỉnh thoảng O cho họ gạo nhưng món mà họ thích là món cá khô...Ngược lại nhiều lần họ mang tặng O những nhánh lan rừng hoặc một mớ dưa leo, vài bó củi ngo nhưng O không nhận vì O sợ mang những thứ này về nhà e rằng sẽ gây sự chú ý của ông bà Đội, O nói với họ là O ở nhà của người khác nên không thể

mang những thứ này về nhà được. Khi đã tạo được mối thiện cảm giữa O và mấy người Thượng, đặc biệt là với hai anh Xà Biên và Kờ Na, O đã nói riêng với hai anh về ý định của mình là muốn họ giúp đỡ để O có thể theo các anh lên sống ở vùng gần làng Mang Linh, đâu đó dưới chân Núi Bà. Lúc đầu họ tưởng O chỉ nói đùa nhưng sau vài lần nghe và hiểu chuyện, họ hứa sẽ giúp O thực hiện. Liên tục trong ba tháng O không bỏ sót bất cứ một buổi gặp nào khi đám người Thượng xuống chợ, cuối cùng giữa O và hai anh Xà Biên - Kờ Na cũng nghĩ ra được một kế hoạch để O trốn khỏi gia đình ông Đội. Cũng từ đó O thường ở sát bên bà Mai để hỏi chuyện này chuyện nọ từ trong gia đình cho đến việc ngoài xã hội. Đối với ông Đội, thấy đứa cháu trở nên thân thiện hơn, gần gũi hơn với vợ chồng ông nên ông cũng vui lây, thỉnh thoảng ông đưa hai mợ cháu đi coi xi nê ở rạp Langbian nằm trên đường Cầu Queo và giới thiệu O với vài người ông quen biết. Không những thế, ông còn nhắc đến tên của ông Claire Dubois nhằm chừng như để nhắc rằng sẽ có một cuộc gặp mặt giữa gia đình ông và ông Claire Dubois trong tương lai.

Giữ ba tờ giấy một trăm tiền Đông Dương O biết giá trị của nó rất lớn nhưng O không biết nó lớn đến cỡ nào. O tìm cách để biết giá trị của chúng, chắc là một số tiền lớn lắm vì mỗi khi theo bà Mai đi chợ hoặc ra phố mua sắm O thấy bà Mai chỉ trả một hai đồng là nhiều, còn thì trả bằng tờ mười xu, hai mươi xu và mấy đồng bạc cắc. Một hôm O một mình mạnh dạn ghé vào một tiệm vàng ở gần Chợ Cây gạo bà chủ tiệm cũng người Huế và hỏi giá một lượng vàng là bao nhiêu. Bà chủ cho biết một lượng vàng giá bốn đồng tiền Đông Dương. O cảm ơn và hẹn vài hôm nữa đủ tiền sẽ ghé mua. Trên đường về O tính nhẩm trong bụng...vậy ra ba trăm đồng thì mua được bảy mươi lăm lượng vàng. O không thể tưởng tượng được. Có một điều O thắc mắc và suy nghĩ mãi mà không tìm ra cách giải quyết là làm thế nào để mang mấy tờ trăm này để đi đổi ra thành những đồng bạc trị giá nhỏ hơn. O nhớ thỉnh

thoảng O được bà Mai cho vài xu bạc cắc để O mua sắm những đồ dùng cá nhân, nếu cầm tờ một trăm đi đổi e rằng thiên hạ sẽ nghi ngờ, mà muốn đổi thì cũng chẳng biết tới đâu để đổi. Nhiều lần O nghe bà Mai kể là có nhiều tiệm buôn bán tạp hóa nhỏ khi người mua trả bằng tờ một đồng, vì không đủ tiền để thối lại nên chủ tiệm xé đôi tờ một đồng rồi trả lại cho người mua nửa tờ. O chỉ biết nghe thôi chứ trong bụng vẫn bán tín bán nghi...mà cũng lạ thiệt...

II

Thấm thoát mà O Kha đã ở Đà Lạt được bảy tháng, từ dạo tháng ba, nay đã là tháng mười. Thời gian đầu O cảm thấy khó chịu với thời tiết lạnh lẽo không khác gì giữa mùa đông xứ Huế. Nhưng rồi O cũng dần quen với những cơn mưa dai dẳng giữa mùa hè... mà hình như nơi đây không có mùa hè nóng bức. O nghe bà Mai nói từ tháng mười trở đi cho đến tết thì thời tiết sẽ khắc nghiệt hơn, lạnh hơn nhiều so với mấy tháng hè. Mà thiệt. Mới bước qua đầu tháng mười mà O đã thấy lạnh cóng người, ở trong nhà cũng phải mặc hai ba lớp áo, đi ra ngoài thì phải choàng vào đủ thứ áo mới chống lại được với cái lạnh. O nghe ông Đội kể rằng Đà Lạt được khám phá bởi một người Pháp là bác sĩ Yersin vào năm 1893 là vùng cao nguyên Langbian có khí hậu mát mẻ như bên Âu Châu nên người Pháp biến nơi này thành nơi nghỉ mát vì khung cảnh thiên nhiên hùng vĩ nên thơ với những rừng thông bạt ngàn, hoa lá đủ màu đủ sắc. Triều nhà Nguyễn đã biến vùng lãnh thổ này thành vùng đất của vương triều.

Dạo còn nhỏ ở ngoài Huế O nghe cha mẹ kể ông Đội Có ngày xưa ở quê rất cực khổ, lúc mới mười lăm mười sáu tuổi đã bỏ học, rời gia đình để lên kinh đô Huế làm mướn, hai năm sau ông bị bắt đi lính đưa qua Pháp học bắn súng hai tháng, sau đó được gửi sang xứ Algérie ở tận Phi Châu trong đoàn quân viễn chinh của Pháp. Tuy chỉ là một viên cai

đội nhưng đời sống gia đình ông thuộc loại khá giả nhờ vào sự giao thiệp rộng rãi với một số giới chức trong chính quyền và các thương gia nên ông thường được hưởng mối lợi từ cả đôi bên. Nhưng ngặt một nỗi là hai ông bà lại không có người con nào. Cũng vì lý do đó mà ông cứ chăm chú lao vào công việc kiếm tiền dưới đủ mọi hình thức ngoài số lương hai mươi đồng một tháng. Lúc đầu cả hai vợ chồng ông tính đem đứa cháu vào nuôi như con ruột cho đỡ buồn nhưng sau khi ông khoe với Claire Dubois rằng có đứa cháu gái ngoài Huế vào ở với ông, rồi khi nghe lời đường mật và nhận quà từ ông Claire Dubois nên ông đã hành xử với cô cháu gái như việc đã xảy ra khi đứa cháu mới chân ướt chân ráo đặt chân đến mảnh đất Hoàng Triều Cương Thổ. Riêng phần O Kha, O ôm mối hận với ông cậu bà mợ đến tận xương tận tủy. Nhưng vì đã âm thầm sắp xếp cho một kế hoạch chạy trốn nên O càng phải tỏ ra thân thiết hơn với vợ chồng ông Đội chỉ trừ một việc là luôn luôn tìm cách từ chối những cuộc gặp mặt với ông Claire Dubois bởi nhiều lý do khiến ông Đội Có cũng khó xử với ông này. Ông đã nhận từ Claire Dubois mấy lần tiền để nhờ đưa cho O Kha nhưng ông mới chỉ đưa cho O một lần, còn bao nhiêu lần khác ông đều giữ và đưa cho vợ. Ông chưa biết tìm cách nào để cho O Kha gặp ông Claire Dubois một lần nữa vì trong những lần đi săn gần đây O Kha đều viện đủ lý do để vắng mặt vì O sợ phải gặp hai anh Xà Biên và Kờ Na tại nhà của già làng Ka Mia như trong những chuyến đi săn trước, mọi chuyện tính toán của O có thể bị phát hiện vì O không biết Xà Biên và Kờ Na có kể chuyện O muốn trốn cho ông Giàng biết hay không. Sau đó O biết thêm là Xà Biên và Kờ Na sống ở làng Mang Lát, cách làng Mang Linh chừng hơn cây số.

Buổi chiều. Khi ra khỏi taxi, vợ chồng ông Đội Có và O Kha bước xuống mấy bậc cấp bằng đá hoa cương để vào nhà hàng Sans Souci nằm trên đường Courbert. Ông nói với O rằng *“Lâu quá không ăn cơm Tây, bữa ni cậu cháu mình đi ăn một bữa, ở đây có món thỏ hầm rượu vang*

*ngon lắm...”. Ông chọn một bàn trống rồi kéo ghế cho bà Mai và O Kha ngồi. Ông kêu bốn món ăn trong đó có món thỏ hầm rượu vang như ông đã giới thiệu. Suốt bữa ăn ông ân cần lấy các món ăn cho vào đĩa của O. Nhìn những thực khách trong nhà hàng O thấy có nhiều người Việt Nam và đa số họ đều nói tiếng Tây với nhau và cười đùa vui vẻ. Thấy cô cháu có vẻ đã biết thưởng thức các món ăn Tây trong bụng ông Đội lẫn bà Mai rất mừng, ông gọi chai rượu vang hiệu Beaujolais. Ông rót hai ly và đưa cho bà Mai và O. Xong ông rót ly thứ ba và cầm lên, nhìn bà Mai rồi nhìn cô cháu nói: “Bữa ni cậu báo cho con biết là cậu mợ sẽ mở cho con một tiệm bazaar (8) ở **đường Chaigneau** cũng gần nhà mình để cháu có cơ ngơi và làm ăn với người ta...Cậu định đầu năm tới là mình mở cửa được rồi...”. O Kha nghe rõ lời người cậu. O cười và hỏi lại: “vậy hả cậu?”. Ông Đội thấy cô cháu vui nên ông nói tiếp: “tiệm tạp hóa là nhà của cậu mợ cho thuê mới lấy lại. Mọi giấy tờ permis cậu đã lo xong hết rồi...” rồi ông đưa ly rượu lên như để mời mọi người cùng uống. Cả bà Mai và O Kha cùng đưa ly lên nhấp một ngụm nhỏ rồi đặt ly xuống bàn.*

O Kha tính nhẩm trong đầu: “Đầu năm tới là chỉ còn hơn hai tháng nữa”. O cảm thấy hơi lo trong bụng và nghĩ đến việc phải thực hiện cuộc chạy trốn trước khi cửa hàng tạp hóa khai trương. Nghĩ vậy O Kha bỗng lên tiếng: “Thưa cậu mợ. Tháng chạp ni là chồng của con mất được hai năm. Con xin cậu mợ cho con về Huế để làm đám kỵ cho anh Thảo. Cậu mợ cho con về độ mười hôm rồi con sẽ vô lại vì sợ khi mắc trông coi tiệm tạp hóa thì không về được...cậu mợ cho con...”. Mới nghe tới đó ông Đội liền cười và đáp: “Ừ...được...được...cậu mợ cũng đã nghĩ đến chuyện nớ. Cậu sẽ mua vé xe lửa cho con về, nhưng con đi một mình chớ mợ con chắc là rất bận việc vì gần ngày tết Tây rồi tết ta...mợ phải lo nhiều chuyện...”.

Sau khi ăn xong ông Đội nhìn đồng hồ thấy kim chỉ gần tám giờ, ông nói: “Hay là mình ghé rạp coi phim, tuần này có phim trinh thám rất

(8) Bazaar: Tiệm bán tạp hóa

hay do tài tử Eddie Constantine đóng...". Bà Mai vội quơ tay: "Thôi thôi...bữa khác coi, bữa ni tui hơi nhức đầu...". Chiếc taxi trở tới, ba người bước lên xe. Tháng mười trời đã khá lạnh, màng sương mỏng đã phủ trên mặt hồ Grand Lac tự lúc nào...

Buổi tối về nhà O Kha trần trọc không ngủ được. O miên man nghĩ tới điều ông Đội nói trong bữa ăn chiều ở nhà hàng. Chuyện cửa tiệm bazaar tạp hóa. Chuyện O về Huế. Chuyện O chạy trốn. Chuyện gặp mấy người Thượng. O sắp xếp chuyện này chuyện nọ trong đầu, chuyện nào trước chuyện nào sau...cuối cùng chúng cứ đảo lộn trong đầu O rồi O thiếp ngủ lúc nào không hay. Sáng dậy việc đầu tiên O nhớ tới là ngày kỵ của chồng. Chồng O, là Thảo mất ngày 20 tháng chạp gần hai năm trước. Việc này O phải nói cho cậu mợ biết để mua vé xe lửa cho O chớ O không biết ngày tháng dương lịch là ngày nào. Một hôm đi chợ với bà Mạ, trong khi hai mợ cháu nhắc đến chuyện gia đình ngoài Huế, bỗng dưng bà Mạ hỏi O: *"Rứa chồng con mất năm mô?"*. O định tìm cách nhắc chuyện này cho ông Đội biết ai dè bà Mạ đã hỏi trước. O thưa: *"Dạ, anh Thảo chồng con mất ngày 20 tháng chạp năm kia, năm Giáp Thân, gần hai năm rồi đó mợ..."*. Nghe thế bà Mạ tiếp: *"Để mợ nói cho cậu biết để cậu mi mua vé..."*. Nghe thế O yên tâm nhưng O phải đợi cho đến lúc có vé xe lửa cầm trong tay thì O mới sắp xếp tiếp kế hoạch với hai anh Xà Biên và Kờ Na. Mãi lo nghĩ miên man cả hai mợ cháu đã vào bên trong chợ. Bà Mạ nói với O: *"Vô đây ăn bún bò Huế, mụ Cai Cẩn nấu bún ngon lắm, ngon như ngoài mình rứa..."*. Chợt nhớ, O đưa mắt nhìn ra chỗ bãi đất mà đám người Thượng hay tụ tập bán hàng nhưng O không thấy người nào cả. Đã hơn hai tuần O không ra gặp hai anh Xà Biên và Kờ Na. Định bụng mai mốt O sẽ ra gặp họ.

Vài ngày sau. Khoảng mười giờ sáng O ra Chợ Cây để tìm gặp mấy người Thượng, nhất là để gặp hai anh Xà Biên và Kờ Na nhưng chờ mãi gần trưa O vẫn không thấy bóng dáng họ đâu cả. Khi trước nghe họ nói cứ ba hôm họ xuống chợ một lần, vì suốt hai tuần không ra nên O cũng không nhớ là họ sẽ xuống này nào. *"Thôi thì ngày nào cũng ghé ra để*

*ngóng chừng cũng được...". O nghĩ như thế. Rồi hai ngày liên tiếp sau đó O ra chợ nhưng vẫn không thấy đám người Thượng nào có mặt ở bãi đất trống gần chợ. O hơi lo lo, không biết có chuyện gì xảy ra hay không? Ngày kế tiếp trong khi O sửa soạn ra chợ thì thấy bà Mạ đã mặc sẵn áo dài rồi rủ O cùng ra chợ. Không có cách gì để từ chối nên O đành mặc áo dài đi theo bà Mạ ra chợ mà trong lòng cứ phập phồng lo sợ. Lên hết dốc **đường Loraine** O thấy thấp thoáng bóng mấy người Thượng ở bãi đất trống. O lo là nếu bà Mạ không vô chợ mà đi qua phía bãi đất trống, bên nớ có mấy tiệm bán đồ sắt và một tiệm thuốc Tây để mua món gì đó thì e rằng hai anh Xà Biên và Kờ Na sẽ thấy O. O đi chậm sau lưng bà Mạ. Đến gần cửa chợ thì may sao bà Mạ nói: *"Con vô trong chợ mua cho mợ nửa ký thịt heo, một bắp cải và vài trái su su, cà rốt... mợ chạy qua tiệm thuốc mua vài viên thuốc nhức đầu, mấy bữa ni mợ thấy nhức trong cái đầu quá..."*. Nói xong bà dí tờ một đồng vào tay O và đi thẳng qua phía bên kia chợ trong khi O cũng vội bước vô bên trong. Trên đường về nhà O tính, hôm nay mấy người Thượng xuống chợ và nếu giữ đúng như thông lệ thì ba hôm nữa họ sẽ có mặt ở phố. Nhưng không biết hai anh Xà Biên và Kờ Na có xuống hay không?*

Đã bước qua tháng mười một, còn gần hai tháng nữa là tết Tây và chắc cũng gần tết ta. O không biết ông Đội chừng nào mới mua vé xe lửa cho O về Huế. Nếu ông mua vé để đi liền trong ngày hay mua vé trước chỉ vài ngày thì O không biết có cách nào để báo tin cho hai anh Xà Biên và Kờ Na biết. Mấy ngày liên tiếp O mất ăn mất ngủ, người gầy xẹp đi thấy rõ. Cả ông Đội lẫn bà Mạ cũng nhận ra điều đó và những tưởng O nôn nóng muốn về Huế nên mất ăn mất ngủ. Vào một buổi chiều ông Đội đi làm về và trong lúc ăn cơm, ông nói với O: *"Mợ con có nói cho cậu biết là ngày kỵ của chồng con là 20 tháng chạp. Cậu sẽ mua vé cho con về trước đó một tuần, kỵ xong độ một tuần sau con vô lại Đà Lạt...Tuần sau cậu sẽ đi mua vé cho con...mà cậu mua vé thì được demi tarif (9) đó con..."*.

(9) Tarif: Vé nửa giá cho binh lính, công chức, sinh viên học sinh...

Trời đã trở lạnh gắt hơn vài hôm trước. O Kha khoác thêm chiếc áo manteau ông Đội mới mua cho O hôm qua và đội một chiếc mũ laine lên đầu cho đỡ lạnh. O nói với bà Mạ trước khi rời khỏi nhà: *“Bữa ni con đi ra Đồi Cù để coi ngôi nhà...cậu nói là nhà của vua Bảo Đại hay ghé để đánh cù...”*. Bà Mạ đang loay hoay trong bếp nói với ra: *“Con đi nhớ trưa về ăn cơm...”*. Chỉ chờ có thể là O mở cửa bước nhanh ra ngoài và nhắm hướng chợ mà đi. Thường thì từ nhà ông Đội đến chợ chừng hai chục phút đi bộ nhưng hôm nay O đi nhanh, hơn mười phút đã lên hết con **đường dốc Loraine**. O đi bên ngoài chợ và tiến thẳng đến nơi có đám người Thượng đang có mặt ở đó. Từ xa O đã thấy những chiếc gùi chất đầy những giò lan rừng đủ màu sắc. Mùa này những người Thượng đi vô rừng để tìm phong lan mang xuống chợ bán. Thời tiết lạnh khiến cho lan rừng đậm thêm chồi và bắt đầu hé nở những cánh hoa nho nhỏ đủ màu sắc. Những người chơi phong lan ở Đà Lạt thường chờ đến mùa này là đón mua những giò lan tươi mới, có một số người còn đạp xe đạp lên tận đường Dankia, đường Yagut hay đầu vòng Tour de Chasse để chặn mua những giò lan đẹp nhất, sum sê nhất. Bán dọc đường một mớ, số còn lại mang tiếp xuống chợ và chỉ trong vòng một hai tiếng đồng hồ, những chiếc gùi trống rỗng được chứa thức ăn và một ít đồ dùng để mang về buôn bán. Đời sống của những người Thượng thuộc bộ tộc Kô Hô chỉ đơn giản thế thôi. O Kha thấy sau nhà của ông Đội cũng có một giàn lan nhưng có vẻ thiếu sự chăm sóc. O định lần này O sẽ mua vài giò lan để đem về tặng cậu. Chờ cho hai anh Xà Biên và Kờ Na bán hết mấy giò lan cuối cùng O Kha đến sát hai anh hỏi nhỏ: *“Ba hôm nữa hai anh gặp tôi ở một nơi khác có được không?”*. *“Chỗ mô?”* (10). Xà Biên hỏi lại. Không cần suy nghĩ O đáp: *“Anh biết hồ Đội Có (11) không?”*. *“Tui biết lắm!”*. Xà Biên trả lời. *“Vậy ba ngày nữa hai anh đến chờ ở đó gặp tui nghe”* rồi O đưa cho Xà Biên và Kờ Na mỗi người một đồng bằng kim loại. Cả hai ngơ ngác nhìn O nói: *“không có tiền thối lại mô...”*. O vội trả lời: *“Không cần*

(10) Tiếp xúc với người Huế nên người Thượng nói lại giọng Huế

(11) Hồ có trạm lọc nước do ông Đội Có thực hiện cạnh hồ Xuân Hương

thối mô...” rồi xách mấy giò lan rời khỏi đám người Thượng dưới những con mắt ngơ ngác của họ.

Ba hôm sau khi O ra đến hồ Đồi Có thì đã thấy hai anh Xà Biên và Kờ Na ngồi dưới gốc mấy cây thông để chờ. Từ xa O đã nhìn thấy họ và khi đến gần O ra dấu cho họ đi lên Đồi Cù và tìm một chỗ ngồi khuất với con đường nhựa chạy vòng dưới chân đồi. O lấy bên trong gói giấy ra hai ổ bánh mì paté thịt, hai chai nước ngọt hiệu Bireley’s và bảo họ ăn uống trước



khi nói chuyện. Hai người ăn hết bánh mì một cách ngon lành. Có lẽ đây là lần đầu tiên họ ăn bánh mì có thịt và uống nước ngọt. O thấy thương và tội nghiệp cho họ quá! Và để khỏi mất thời gian O đã đề nghị họ lắng nghe kế hoạch “lên núi” – chữ mà O đã nói cho họ biết về việc O sẽ lên sống ở xứ Thượng. Trong vòng hơn một tiếng đồng hồ O và hai người Thượng hầu như đã đạt được nhiều điểm chung do họ đề nghị sau khi nghe hết đề nghị của O. Gần mười hai giờ O đứng dậy và lấy từ trong túi áo ra bốn tờ giấy cinq piastres (năm đồng) đưa cho Xà Biên *“Tiền ni để anh mua sắm những thứ cần thiết như khi hồi đã tính...”*. O còn đưa thêm cho mỗi người hai đồng cắc để xài riêng. Sở dĩ



O có được mớ tiền trị giá nhỏ như thế là vì tháng trước O cầm tờ giấy một trăm đồng để đi mua năm lượng vàng ở tiệm vàng trước đây O đã đến hỏi giá và họ đã thối lại.

Cầm tấm vé xe lửa khứ hồi O Kha lật xem hết bề trước lại bề sau, trên vé ghi bằng tiếng Tây nên O cũng không hiểu gì hơn là chỉ là một tấm vé. O nhớ kỹ lời ông Đội Có: *“Đây là vé xe lửa khứ hồi, khi lên xe lửa có nhân viên nhà ga hay nhân viên kiểm soát trên tàu hỏi thì đưa tấm vé ni cho họ coi, họ sẽ trả lại cho con. Con nhớ cất cho kỹ, đừng để mất. Tới ngày về con cũng trình vé ni ra để lên tàu. Có một điều con phải nhớ là khi đi xuống tới ga Tháp Chàm thì con phải xuống tàu để đổi chuyển tàu khác chạy ra Huế và khi vô cũng rứa, xuống ở Tháp Chàm để đổi tàu có rặng cửa về Đà Lạt...”*. Ông Đội Có lấy lại tấm vé chỉ cho O hàng chữ và con số in ngày đi lẫn ngày về. Ngày đi là 2 tháng 1 – 1947 và ngày về là 18 tháng 1 -1947, cộng lại vừa đi vừa về là mười bảy ngày. Tiếp đó ông bảo O đưa cho ông một tờ “xăng” trong số ba tờ mà ông đã đưa cho O mấy tháng trước để đổi ra tiền năm đồng, một đồng và một số tiền các cho dễ tiêu. Ông nói số tiền ni lớn lắm, ông còn dặn khi về ngoài nớ thấy bà con ai nghèo thì cho họ một hai đồng và ông cũng gởi lời thăm bà con mình ngoài nớ...O Kha hơi giật mình vì O chỉ còn hai tờ hai trăm, nếu ông bảo đưa cả ba trăm thì O không biết chuyện gì sẽ xảy ra. O hú hồn hú vía...

Kể từ hôm cầm tờ vé trên tay O Kha rất hồi hộp và không biết việc chạy trốn có được suông sẻ hay không? Không biết hai anh Xà Biên và Kờ Na có làm được những chuyện mà họ đã bàn tính và hứa với O hay không? Theo dự tính thì O xin ông Đội Có và bà Mạ để cho O đi đến ga xe lửa một mình nhưng O chưa dám nói ra và O cũng biết ông Đội sẽ không để O đi một mình, có khi cả hai người cùng đưa O ra ga. Sau gần cả tuần tính toán O đã nghĩ ra được một cách. O mỉm cười và tự cho mình thông minh. Bởi vậy mà lúc nhỏ đi học O nổi tiếng là một đứa học trò vừa thông minh vừa lanh lợi đó sao?

Tháng mười hai thời tiết Đà Lạt càng lạnh, báo hiệu mùa lễ Noel sắp đến. Những người theo đạo Công giáo đã bắt đầu treo những chiếc lồng đèn ngôi sao sáng rực trước nhà và đặt những hang đá Giáng sinh

trước cửa. Trong bữa cơm chiều, bà Mai và O Kha được ông Đội cho biết là ông đã được mời dự bữa tiệc giáng sinh do ông Claire Dubois tổ chức tại villa của ông trong khu Cité Decoux. Ông nói: *“Bữa nớ mợ và con đi với cậu...”*. Câu nói ngắn của ông Đội nghe như là một mệnh lệnh khiến O lo lắng, không biết phải trả lời làm sao với ông Đội. O nhớ lại buổi tối kinh hoàng tại khách sạn Palace trước đây, không lẽ ông Tây ni lại muốn giở trò gì nữa đây. O im lặng trong khi ông Đội tiếp tục tán dương lòng tốt của Claire Dubois đối với ông.

Một tuần lễ trước ngày Giáng sinh tại khu vực nhà thờ Con Gà – người Việt Nam gọi như thế vì trên đỉnh nóc nhà thờ gắn hình một con gà trống là biểu tượng của nước Pháp – có tổ chức Kermesse (12). Sau buổi ăn chiều ông Đội bảo bà Mai và O Kha thay đồ đẹp và mặc đủ ấm để cùng nhau đi bộ đến nhà thờ Con Gà xem hội chợ. Họ rời khỏi nhà đi về hướng cầu Bá Hộ Chúc (13) để lên đường Yersin đến nhà thờ. Đây là lần đầu tiên O Kha được tận mắt thấy quang cảnh của một hội chợ với nhiều gian hàng trưng bày sách báo, kỷ vật của người Công giáo, gian hàng bán thức ăn, xổ số, trò chơi...đặc biệt là gian hàng ném vòng vào bàn tay đẹp thiếu nữ thu hút rất đông đám đàn ông con trai. Một số gian hàng có đặt những chiếc máy hát quay đĩa, hát toàn tiếng Tây O nghe cũng vui và lạ nhưng không hiểu bài hát nói gì, chắc là những bài hát nói về lễ giáng sinh hoặc ca ngợi nước Pháp. Khoảng mười giờ họ trở ra đường và đón taxi để về nhà. Sở dĩ ông Đội đưa bà Mai và O Kha đi xem hội chợ vì ông nghĩ thế nào ông Claire Dubois cũng sẽ ghé thăm hội chợ như những năm trước. Nếu gặp được ông trong dịp này thì ông có cơ hội mời Dubois ghé nhà ông ta chơi để sự thân thiết giữa ông và Dubois ngày càng gần bó hơn. Hơn thế nữa, ông muốn tạo cơ hội để cho O Kha cảm thấy Dubois là người tử tế đối với gia đình ông,

(12) Kermesse: Hội chợ

(13) Bá hộ là phẩm hàm được chính quyền ban cho. Ông bá hộ Chúc bỏ tiền xây cầu bắc qua con suối chảy từ Hồ Xuân Hương đến thác Cam Ly

trong đó có cả O. Hành động này nằm trong mắc xích dự tính của ông trong những ngày tới. Chả vậy mà trong suốt thời gian ở hội chợ ông cứ rảo mắt nhìn khắp nơi xem có ông Dubois hay không.

Buổi tối. Trước lễ giáng sinh hai hôm tại villa của Dubois có bữa tiệc như đã dự định. Khách đến dự, ngoài số đông người Pháp lẫn người Việt, ông Đội cùng gia đình cũng là khách đặc biệt tối hôm đó. Ông Đội trong bộ complet màu trắng lịch lãm, bà Mai với chiếc áo dài nhung tân thời màu tím đậm kiểu Le Mur (14), còn O Kha thì được hai vợ chồng Đội Có nắn nỉ mãi mới mặc bộ đồ đầm màu trắng bà Mai đã mua lúc nào O chẳng biết, đi giày cao gót và thoa lên má một lớp phấn trắng cùng khoảng nhỏ son màu hồng hai bên gò má. Thoạt nhìn, ông Đội lẫn bà Mai thấy O không còn là một O Kha của những ngày trước nữa. Ngoài vẻ đẹp tự nhiên sẵn có với nước da trắng, mũi cao, đôi mắt sáng to và mái tóc dài quá vai như một thiếu nữ, O còn có dáng người thon nhỏ với chiều cao lý tưởng dưới con mắt của giới mày râu. Nhìn O, ông Đội cười và thốt lên: *“Con đúng là gái Kim Long...cậu sẽ giới thiệu cho con một ông dôn (15) đặc biệt mới được...”*. Nghe được câu nói đó O Kha đoán biết được chuyện gì sẽ xảy ra trong tối nay tại nhà ông Dubois. Đáp lại lời khen của ông Đội Có, O chỉ mỉm cười và mặt mày tươi hân lên vì O đã chuẩn bị cho tình huống có thể xảy ra trong vài giờ sắp tới.

Con đường mà người Đà Lạt gọi là Cầu Queo, tên tiếng Pháp là đường **Chaigneau** có đèn đường chiếu sáng cho đến ngã ba Mả Thánh (16). Muốn đến Cité Decoux phải chạy hết đường Cầu Queo rồi ôm theo chân núi Mả Thánh về hướng bắc đến một thung lũng có chừng hơn

(14) Le Mur: Kiểu áo dài phụ nữ do họa sĩ Nguyễn Cát Tường quảng cáo trên báo Nam Phong Tạp Chí ở Hà Nội năm 1934

(15) Dôn: Tiếng Huế là Chồng.

(16) Mả Thánh: Quả núi do cụ Võ Đình Dung mua của chính quyền để làm đất nghĩa trang cho dân Đà Lạt. Cụ người gốc Nha Trang, rất giàu

hai mươi villa nằm khuất trong rừng thông xanh ngát. Khu vực này ít có người Việt lai vãng vì là khu nghỉ mát binh lính hải quân Pháp. Taxi chở hai vợ chồng Đội Có và O Kha vừa chạy qua chiếc cầu bằng gỗ là đến Cité Decoux có đèn đủ màu sáng rực. Khi cả ba bước xuống xe thì ông Dubois đã đứng sẵn ở cửa để chào và lịch sự mời vào nhà. Ông tỏ vẻ ngạc nhiên trước vẻ đẹp quý phái của O Kha. Ông nhớ lại hình ảnh của O trong bữa tiệc ở khách sạn Palace và vài lần đi săn khác hẳn với O Kha của buổi tối hôm nay. Ông bắt tay thật chặt với ông Đội Có và nói “*Cette soirée mademoiselle Phi Yến est très belle...*”. Ông ta không hề biết O Kha là người đã từng có chồng. Ông đưa tay ra bắt với cả bà Mai và O Kha. O Kha cố gắng giữ cho mọi cử chỉ được tự nhiên mặc dù O không hiểu ông Đội Có và Dubois nói những gì. O đoán thế nào Dubois cũng bình phẩm về mình. O bình tĩnh và tự nhiên hơn lần gặp ở Palace trước đây.

Bữa tiệc bắt đầu với lời chào mừng của chủ nhà Dubois. Mọi người đứng dậy nâng ly chúc mừng giáng sinh và năm mới. Trong khi mọi người reo hò và uống champagne thì O cũng nâng ly lên để vào môi nhưng không giọt rượu nào vô miệng. O đặt ly xuống và ngồi nhìn mọi người bắt đầu ăn uống và chuyện trò vui vẻ. O nhìn cách ông Đội Có và bà Mai cầm muống nĩa thế nào thì O cũng kín đáo, tự nhiên như người đã sành ăn các món ăn Pháp. Ông Dubois tay cầm ly rượu đi đến các bàn ăn để chào hỏi và chuyện trò với mọi người nhưng chốc chốc vẫn đưa mắt nhìn về bàn của vợ chồng Đội Có. Ông đã đi hết các bàn tiệc và bàn cuối cùng ông ghé đến là bàn của vợ chồng Đội Có. Một cách kín đáo O Kha đưa tay trái vào túi áo khoác lấy ra một vật nhỏ cầm giấu vào lòng bàn tay. O đoán thế nào ông Dubois cũng mời rượu vợ chồng Đội Có và O. O hồi hộp chờ đợi. Ông Dubois miệng vừa lẩm nhẩm mấy câu hát bằng tiếng Tây vừa cầm ly rượu đến trước bàn của ông Đội Có. Vừa lúc đó cả hai ông bà Đội Có cũng cầm ly rượu đứng lên và nói câu tiếng Pháp chúc mừng Dubois. Dubois lịch sự cúi đầu đáp lễ đồng thời đưa ly rượu lên cao mời mọi người. O Kha thấy vậy cũng cầm ly rượu trước mặt đưa lên. O đưa ly rượu lên cao ngang đầu và nhích bước lùi

ra phía sau ghế. O nghiêng mình qua một bên như người sắp té ngã đồng thời tay phải buông ly rượu cho rơi xuống sàn nhà. O vội cúi xuống và dùng vật cầm sẵn bên tay trái để đâm vào lòng bàn tay phải, xong quơ ly rượu đã bể đặt lại lên bàn. Vợ chồng Đội Có thấy lòng bàn tay O có máu nên cũng hết hoảng trong khi Dubois gọi người nhà lấy túi cứu thương ra để rửa vết thương và băng bàn tay cho O. Chất alcohol thấm vào vết thương khiến O cau mặt đau đớn. Bà Mai thì lính quỳnh hỏi: *“con có răng không? con có răng không?”* Nhiều tiếng nói lao xao bằng hai ngôn ngữ khiến O nhức đầu thực sự. Ông Đội Có rời khỏi bàn đến nói với Dubois điều gì đó rồi trở lại bàn. O Kha mở mắt nói với ông Đội: *“cậu cho con về...con nhức đầu và tay đau quá...”* rồi gục đầu xuống bàn. Ông vội bước ra sân trước nhìn quanh thấy có hai ba chiếc taxi, ông gọi một chiếc đến gần cửa rồi chạy vào bên trong cùng bà Mai dìu O Kha ra ngoài. Chiếc taxi màu đen rồ máy chạy qua hướng Mả Thánh trong khi từ trong nhà của Dubois tiếng nhạc cũng vừa vang lên ầm ỉ. Mọi người đã ra sà n nhảy.

III

Sau lễ giáng sinh, chỉ còn hơn tuần nữa là O Kha về Huế làm đám kỵ cho chồng. O hồi hộp trông chờ, tới bữa cơm O chỉ ăn qua loa rồi đứng dậy, buổi tối O cũng ngủ ít khiến người ốm hẳn. Thấy vậy ông bà Đội khuyên O nên ăn uống cho nhiều để giữ sức khỏe. Liên tục hai ba ngày O loay hoay nghĩ xem sẽ mang thứ gì theo trong chuyến đi đầy mạo hiểm này. Mang theo hết áo quần đồ đạc mà bà Mai sắm cho thì không được vì vừa nặng vừa không hợp lý, đây là chuyến đi “khứ hồi” chứ không phải là chuyến đi về luôn. O nói với bà Mai: *“Con chỉ đem theo vài bộ đồ bạn cho gọn, áo laine và mateau cậu cho vì ngoài mình mùa ni cũng lạnh lắm, chắc con cũng không bạn áo dài đâu, lên xe lửa lượm thuộm bất tiện...”*. Bà Mai đồng tình: *“Con nói rứa là đúng...đem chi cho nhiều nặng lắm...Mợ sẽ đưa cho con cái va li nhỏ để con đựng đồ...”*.

Trong tuần lễ cuối năm, O Kha thấy nhiều nhà có treo cờ tam tài và quanh khu Chợ Cây cũng có cờ màu vàng ba sọc đỏ mà ông Đội nói “*đó là cờ của Quốc Gia Việt Nam mình...*”. Buổi tối ngày đầu năm dương lịch ông Đội rủ O đi dự tiệc của đội ngự-lâm-quân trong dinh vua Bảo Đại nhưng O lấy cớ mệt không đi, hơn nữa O ngại lý do ngày mai O lên tàu về Huế nên phải ở nhà sắp xếp đồ đạc. Tối hôm đó O mở va li để kiểm lại từng món đồ đem theo, quần áo, đồ ấm, khăn, lược, bàn chải đánh răng và cả một hộp thuốc nhức đầu cùng chai dầu khuynh diệp...và nhiều món linh kinh khác. Năm lượng vàng và tiền bạc O gói chung vô một bọc bằng hai ba lớp giấy nhật trình và chèn vào một góc va li, số tiền lẻ O cho vào túi áo cánh.

Sáng ngày 2 tháng 1 ông Đội Có dậy sớm hơn mọi khi pha cà phê uống trong khi bà Mai đang còn ngủ. Uống cà phê xong ông đứng dậy với tay lấy chiếc áo khoác dài nặng bằng nỉ màu phân ngựa của quân đội Pháp choàng vào người rồi bước ra cửa đập cho nổ máy chiếc motobécane. Ông phóng xe đi. Tiếng máy xe nổ khiến bà Mai lẫn O Kha choàng tỉnh. Cả đêm O Kha không chợp mắt được cho mãi đến ba bốn giờ sáng O mới thiếp đi cho tới lúc nghe tiếng xe nổ máy.

Ông Đội lái chiếc peugoet 203 màu đen mượn của đại úy Ngử – đội trưởng đội ngự-lâm-quân về đậu ngay trước nhà. Bà Mai và O Kha đã chuẩn bị xong mọi thứ, chỉ chờ ông Đội về là đưa đến ga xe lửa. Mọi người lên xe. Ông Đội ngồi trước tay lái, bà Mai ngồi ghế bên, O Kha thì ôm va li ngồi ở phía sau. Buổi sáng thấy mưa lất phất nên O đã mặc thêm áo manteau và cũng không quên đội chiếc mũ laine lên đầu. Đúng tám giờ chiếc peugeot rời khu vực Ấp Ánh Sáng, vòng qua Cầu Bá Hộ Chúc đến hồ Grand Lac rồi chạy ngang qua Grenouillère (17), Cercle Sportif (18), sân vận động, Grand Lycée (19) hướng thẳng về phía ga. Xe đậu ngay cửa vào ga. Ông bà Đội bước xuống. O Kha xách vali cùng đi vào bên trong và ngồi ở hàng ghế đợi. Đúng tám giờ nhân

(17) Grenouillère: Nhà Thủy Tạ

(18) Cercle Sportif: Câu lạc bộ Thể Thao

(19) Grand Lyée: Trường trung học Pháp

viên nhà ga xuất hiện báo cho biết là chín giờ tàu sẽ khởi hành và yêu cầu mọi người chuẩn bị lên tàu. Cánh cửa nhỏ sau lưng ông mở toang và mọi người chen nhau đi ra. Ông Đội đứng dậy cùng O Kha tiến ra cửa. Bà Mai dặn: *“Con nhớ nói cho cậu mợ gửi lời thăm hết cả bà con mình ngoài nớ...Bữa mô con vô cậu mợ sẽ ra đón...coi chừng chiếc va li... cẩn thận nhen con...”*. Khi không còn nhìn thấy O Kha trong đám đông, ông bà Đội quay gót. Vài ba phút sau đó O Kha dừng chân và quay hẳn người lại nhìn ra hướng ngoài sân ga thấy ông bà Đội vừa lên xe. Trong đám đông, mặc dù không ai để ý đến O nhưng O vẫn thận trọng từng cử chỉ để tránh sự soi mói của người chung quanh. O bước trở lại phòng đợi trong khi hành khách vẫn tiếp tục ra sân lên tàu. Bên ngoài sân ga không còn bóng dáng người đưa tiễn.



Vừa ra ngoài sân ga O Kha đảo mắt nhìn từ phải sang trái, tìm O bỗng đập mạnh chừng như nghe cả tiếng thành thịch khi nhìn thấy chiếc xe ngựa đang đậu phía bên trái sát với bãi hoa dã

quỳ màu vàng cao tới đầu. Một lần nữa O nhìn vào phía trong ga xem có ai dòm ngó mình hay không. Không thấy ai. O bước thật nhanh về phía chiếc xe ngựa, đến nơi O thấy chiếc va li lên sàn xe rồi đặt chân lên bàn đạp bằng sắt, thoát cái O đã ngồi lọt thỏm dưới sàn xe chứ không ngồi trên băng gỗ. O khom người xuống đề trên chiếc va li, nhắm mắt thở hỗn hển. Không chần chừ, Xà Biên giật dây cương và quất một roi thật mạnh vào lưng con ngựa. Nó chồm mình phóng tới. Tiếng chân ngựa tạo thành một thứ âm thanh lộc cộc khô khốc trên sân ga. Một đám bụi mờ quện tung phía đằng sau xe.

Khi O Kha mở mắt nhìn phía trước thì thấy xe đang chạy trở lại về hướng thành phố. O nghĩ *“sao lại chạy về hướng này...”*. O thấy hồ Grand Lac trước mặt. Một màn sương mù trên mặt hồ nên khi O nhìn về hướng thành phố thì không thấy nhà cửa đâu cả. Vừa lúc đó Xà Biên giật mạnh dây cương bên phải, chiếc xe queo vào đoạn đường vòng hồ, chỗ có một ngôi nhà màu trắng mà O biết đó là nhà của bác sĩ người Pháp tên Sohier mà ông Đội đã đưa O đến đây để chữa bàn tay bị thương. Phần Kờ Na, anh ta ngồi quay mặt ra phía sau, hai chân bở thõng ra ngoài như để che không cho ai thấy O Kha ngồi bên trong. Xe chạy qua cầu sắt gần vườn hoa rồi phóng lên Đồi Cù, rẽ sang con đường đất đỏ phía sau Ấp Hà Đông, cứ thế mà chạy cho đến khi xe queo vào vòng Tour de Chasse. Từ đây xe chạy chậm lại. Hai bên hiện ra toàn là đồi núi hoang dã và cây cối toàn một màu xanh cùng với đám sương lam còn chập chờn trên các ngọn cây. Độ một tiếng đồng hồ sau, Xà Biên thả lỏng tay cương cho ngựa chạy chậm lại. Như biết trước, xe chưa kịp ngừng hẳn thì phía sau, Kờ Na đã nhảy phóc xuống, đứng chống nạnh nhìn vào đoạn đường vừa chạy qua. Anh ta vui ra mặt. Xe ngừng hẳn, Xà Biên buông dây cương, đặt chiếc roi da lên băng ghế ngang rồi nhảy xuống đất. Thấy thế O Kha cũng lồm ngồm bò ra phía sau rồi xuống xe, trên gương mặt tái xanh vẫn còn rõ nét sợ hãi. Rồi O chợt thấy, O không tin vào mắt mình. Cả Kờ Na lẫn Xà Biên, không người nào mặc khố như mọi lần mà người nào cũng mặc một bộ đồ màu ka ki nhà binh rộng thùng thình. O nhìn chăm chăm vào họ và lúc này mới nhận ra hai khuôn mặt đúng là của Xà Biên và Kờ Na. O lấy tay bụm miệng cười lớn khiến hai anh Xà Biên và Kờ Na cũng cười theo. O hỏi *“Sao các anh mặc áo quần này?”*. Xà Biên vừa gãi đầu vừa trả lời: *“Người Thượng không có xe ngựa, chỉ có người Kinh mới có, tụi tui phải bận cho giống người Kinh mới được...”*. O Kha hỏi tiếp: *“Áo quần này mua ở đâu? Thì tụi tui vô chợ, có bán áo quần cũ của mấy người lính Tây...tụi tui mua...”*. Xà Biên trả lời. O Kha quá ngạc nhiên và khâm phục hai người Thượng này quá. Họ đã tính toán và thực hiện công việc hết sức chu đáo ngoài sức tưởng tượng của O. Trong khi Kờ Na tháo khố

để cho con ngựa gặm cỏ thì Xà Biên đưa tay vạch đám cỏ sậy bước xuống bờ suối nước trong. Kờ Na và O cũng bước xuống theo. Rửa tay rửa mặt xong người nào cũng lấy hai bàn tay vốc nước để uống. O Kha thấy khỏe người và tỉnh táo. Khi bước lên khỏi bờ suối O ngẩng mặt thấy hai ngọn núi cao sừng sững, đây là Núi Bà mà O đã thấy nhiều lần từ ngày ở Đà Lạt cũng như trong vài chuyến đi săn trước đây.

Cả ba lại lên xe chạy thêm đoạn đường vài cây số nữa để đến điểm cuối của Tour de Chasse. Xe dừng lại. Xà Biên nói với O Kha: *“Chừ phải đi bộ, Kờ Na phải đem xe để trả cho ông Năm Ngựa”*. Trong khi Kờ Na cho xe quay lại hướng cũ thì Xà Biên xách chiếc va li đi trước. Trên một con đường mòn O Kha không nhận rõ lối khiến Xà Biên phải dùng tay để gạt những nhánh cây, bụi cỏ cao cho O thấy lối. Vừa thoát khỏi sự sợ hãi giờ O lại thêm lo lắng khi phải đi trong rừng như thế này. Không biết chuyện gì sẽ xảy ra. Nhưng rồi: *“phóng lao thì phải theo lao chứ biết làm răng chừ...”*. Đầu óc cứ nghĩ miên man và chân thì cứ bước, bước mãi như kẻ vô hồn đến nỗi O không còn nhớ là mình có một chiếc va li. Thỉnh thoảng Xà Biên quay lại nhìn O, thấy một khoảng cách xa thì anh dừng lại chờ và cứ thế cho đến khi Xà Biên đặt chiếc va li lên một tảng đá lớn và và ngồi lên một tảng đá nhỏ kế bên. Đôi chân O Kha đã thấy mỏi và đau tưởng chừng không thể bước thêm được nữa. Chợt thấy Xà Biên ngồi với chiếc va li bên cạnh O mới thấy mừng và ráng thêm vài bước để dựa người vào tảng đá lớn, tim đập dồn dập. Miệng O thở ra khói, O nghĩ *“cái lạnh nơi núi rừng này khác hẳn cái lạnh ở dưới phố...”*

Xà Biên ngồi yên cho đến khi anh nhìn thấy sau đám cây rậm có hai thiếu niên dắt một con ngựa đứng dưới chân núi nhìn lên. Xà Biên lấy tay che mắt nhìn xuống rồi ra dấu chỉ cho O Kha thấy hai người và con ngựa. Thật nhanh, Xà Biên xách va li lên và nói với O Kha: *“Tới rồi! Thăng Y May (20) đem ngựa tới rồi... có thằng Y Nốp nữa...con tui và*

(20) Người Kô Hô theo chế độ mẫu hệ nên con mang họ mẹ. Vợ của Xà Biên và Kờ Na là hai chị em ruột

con Kờ Na nữa đó...". Giờ thì O Kha thấy hai chân mình không còn mỏi và đau nữa, O đi theo sát sau Xà Biên và chỉ hai mươi phút sau họ ra khỏi đám cây rậm, nhìn thấy rõ hai thiếu niên và con ngựa đứng trên bãi cỏ lau chung quanh là những bụi rậm thấp đầy hoa dại đủ màu sắc. Bãi lau sậy rạp mình ngả nghiêng theo chiều gió thổi. O Kha không có đồng hồ nên không biết giờ này là mấy giờ. Rồi ga xe lửa khoảng chín giờ và có lẽ hơn ba tiếng đồng hồ chạy trốn thì giờ này chắc cũng phải mười hai giờ hoặc một giờ trưa. O nhìn lên bầu trời xám xịt, không thấy mặt trời đâu cả và chẳng biết hướng nào là đông tây nam bắc. O thầm nghĩ: *"Mình đã hoàn toàn tin vào hai người Thượng này thì bây giờ phải phó thác luôn cho họ...chứ giữa cảnh núi rừng đầy sơn lâm chướng khí chẳng biết làm gì hơn..."*.

Nhìn mặt O Kha Xà Biên biết O đang lo lắng nên liền dắt con ngựa đến trước mặt O: *"Chừ đi ngựa, O Kha đi ngựa thì không còn đau cái chừn nữa..."*. O Kha lúng túng không biết phải làm gì thì hai cậu thiếu niên bước tới ra dấu cho O đặt cả hai cánh tay lên lưng ngựa rồi dùng tay đỡ nâng hai chân O lên. Như một động tác phản xạ, O dùng chân phải quàng qua lưng ngựa. Xà Biên và hai thiếu niên cùng cười như muốn bày tỏ sự vui mừng khi thấy O Kha đã hiểu ý và làm theo họ. Cậu con trai của Xà Biên cầm đầu sợi dây thừng dắt con ngựa đi, O Kha khom mình xuống, hai tay bám chặt vào bờm ngựa. Xà Biên vẫn khư khư xách chiếc va li cùng Y Nếp lẻo đẻo đi phía sau.

Ba người Thượng đi bộ và một phụ nữ người Kinh ngồi trên lưng ngựa lặng lẽ đi trên con đường mòn dưới chân núi gần như mất dấu để về hướng tây của hai ngọn Núi Bà. Trên đầu vẫn không thấy mặt trời, thỉnh thoảng O nghiêng đầu để nhìn lên đỉnh Núi Bà nhưng chỉ thấy một đám mây dày đặc che quanh núi. Cho đến giờ O mới nhận biết là toàn thân O lạnh cóng do sương ướt bám vào quần áo từ lúc bắt đầu đi bộ. O không đoán được lúc nào O mới đến được nơi an toàn và nhiều ý nghĩ vẩn vơ tiêu cực cũng chợt hiện ra trong đầu O và tự trách mình *"sao lại liều lĩnh làm một chuyện lạ lùng như vậy..."*. Ý nghĩ trở lại nhà ông Đội cũng có lúc xuất hiện trong đầu. O nhắm mắt nghĩ ngợi lẩm nhẩm,

thỉnh thoảng hai tay O buông bõm ngựa khiến người O chao đảo muốn rơi khỏi lưng ngựa. O lấy lại bình tĩnh bám vào bõm ngựa và tiếp tục phó thác cho số mệnh. Chuyện đến nước này thì không còn tính toán gì thêm nữa...

Làng Mang Lát cách làng Mang Linh nơi có Già làng Kờ Mia ở không xa, chừng hơn cây số. Xà Biên cùng hai thiếu niên và O Kha về đến làng khoảng bốn giờ chiều, nơi đó đã có Kờ Na ra đón ở đầu con đường vào làng. Anh vui mừng. Mọi người đều vui mừng. O Kha được đưa xuống ngựa và ngồi vào chiếc ghế gỗ dưới nhà sàn. Kờ Na mang đến cho O một gáo nước ra dẫu cho O uống. Không chần chừ, O đưa gáo nước lên miệng uống một hơi hết gần nửa gáo rồi trả lại cho Kờ Na. O đưa mắt nhìn chung quanh. Những căn nhà sàn bằng gỗ, mái lợp bằng cỏ tranh, nhà nào cũng có một chiếc thang bên ngoài để leo lên. Bên dưới hầu như nhà nào cũng có một bầy gà loại có đốm trắng đen như có lần O đã thấy người Thượng mang xuống chợ để bán và bà Mạ mua về gọi là “gà nổ” và cả mấy chú ‘heo mọi’ đang tranh nhau ăn hạt bắp vung vãi trên đất. Sau khi đặt chiếc va li trước mặt O Kha, Xà Biên nói: *“Chút nữa lên nhà ăn cơm. Tối nay ngủ ở đây. Sáng mai tui tui đưa O về nhà của O...”*. Nghe thế O Kha giật mình *“đưa về nhà là sao? Như hiểu ý Xà Biên nói tiếp: “Tui tui đã làm nhà cho O rồi. Nhà ở trên đồi kia, gần lắm. Tiền làm nhà O cho còn nhiều...tui đưa lại cho O...”*. O Kha tỉnh người và đến lúc này O mới hoàn toàn xóa sạch những nghi ngờ về sự giúp đỡ của người Thượng tốt bụng này. O nhớ nhiều lần ông Đội kể cho O nghe về bản tính của họ là không bao giờ nói dối, nói sai, luôn giữ lời hứa, không bao giờ ăn cắp...Lúc này O nói: *“Cám ơn Xà Biên nhen, cám ơn Kờ Na nhen, cám ơn con của anh nhen, cám ơn con của Kờ Na nhen...Số tiền còn lại anh giữ lại để mua áo quần bạn, đừng đưa tui...”*.

Chiều hôm đó cả vợ của Xà Biên, hai người con, một trai một gái và hai cha con Kờ Na cùng ăn cơm với món thịt gà nấu su su, có cả món

thịt heo rừng nướng. O Kha vừa ăn vừa tỏ lời khen Xà Biên nấu ăn ngon theo kiểu của người Kinh. Nghe thế Xà Biên đáp: *“Không phải đâu...bà Mạ dạy cho tui nấu nhiều món ăn người Kinh lắm...”*. O Kha nhớ có mấy lần theo ông Đội Có đi săn, ghé vào nhà của già làng Ka Mia, bà Mạ có chỉ cho họ cách nấu các món ăn của người Kinh. Đang cơn đói bụng nên O Kha đã ăn một bữa cơm ngon miệng như chưa bao giờ...

Sau bữa cơm chiều O Kha kéo ghế ngồi bên cửa sổ nhìn ra bên ngoài. Trời đã tối hẳn, quanh O là cả một màu đen thẫm. O không nhìn thấy hai đỉnh của Núi Bà nữa mà chỉ thấy một lớp sương mù vây phủ khắp nơi. O còn nghe cả những tiếng chim lạ của núi rừng vọng về cùng với ánh lửa chập chờn dưới những căn nhà sàn tạo nên một khung cảnh huyền bí ma quái. O thấy cái lạnh của vùng rừng núi khắc nghiệt hơn cái lạnh ở dưới phố. O đưa tay nắm hai bên ve của chiếc áo laine khép lại rồi đứng dậy đến chỗ ngủ là mấy miếng ván phẳng đặt trên sàn, trên có trải chiếu, nằm xuống và chui nhanh vào chiếc mền bông mới toanh. Chỉ vài phút sau O đã đi vào giấc ngủ sâu sau cuộc hành trình vất vả.



Ngôi nhà hay gọi cho đúng là căn chòi nằm ở lưng chừng đồi thông cách làng Mang Lát chừng năm trăm thước. O Kha vô cùng ngạc nhiên khi đặt chân vào căn chòi được làm bằng những vật liệu thô sơ. Căn chòi có bề ngang chỉ chừng tám thước, bề sâu chừng năm thước còn

thơm mùi nhựa tỏa ra từ những tấm vách ván bìa của cây thông. Bên trong chòi chỉ có một chiếc giường thô sơ với bốn chân gỗ và bốn tấm ván làm nền giường như một tấm phảng gỗ. Hai người con của Xà Biên và Kờ Na mang theo mấy món dùng mới toanh trong đó có cả mền gối, mùng, một ít dụng cụ nấu nướng và đựng thức ăn, một lu chứa nước, một chiếc đèn dầu và mấy cây nến đỏ. Những món này là O Kha đã dặn Xà Biên nhớ mua từ trước. Như thế cũng tạm đủ trong thời gian đầu, về sau thiếu gì thì O sẽ nhờ Xà Biên mua sắm thêm.

O Kha dần quen với cảnh núi rừng thiên nhiên trong đó có cả một rừng thông quanh căn chòi của O, lúc nào cũng nghe tiếng thổi gió rì rào mang đến một hương thơm đặc biệt mà O không biết phải diễn tả thế nào cho đúng. Xà Biên và vợ của anh ta hướng dẫn cho O biết về địa hình địa thế của làng Mang Lát, nằm về hướng nam dưới chân Núi Bà, cách xa khu vực có người Kinh ở chỉ vài cây số. Tuy là một làng nằm biệt lập nhưng người Thượng ở đây vẫn thường trao đổi buôn bán với người Kinh ở miệt Cây Số 9 là nơi gần nhất. Con trai của Xà Biên là Y May dắt O đến một con suối nước trong và chỉ cho O cách lấy nước mang về dùng. Vào những buổi rỗi rảnh cha con Xà Biên và Kờ Na giúp O Kha đào đắp những luống đất để những ngày tới sẽ trồng rau cải và một dàn trồng các loại cây leo như lời yêu cầu của O. O trả công làm cho họ đồng thời O cũng báo cho họ biết rằng từ nay trở đi O sẽ không còn ăn thịt cá nữa mà O chỉ ăn cơm với rau cải mà thôi. O nhờ Y Bang là vợ của Xà Biên xuống chợ cây Đà Lạt mua gạo, muối, tương chao và những gia vị cần thiết để ăn chay trường. O liệt kê các thứ cần dùng trên một tờ giấy để Y Bang đưa tờ cho người bán hàng thì họ sẽ biết mà bán cho. O còn cẩn thận dặn dò Y Bang là không bao giờ nói là những thứ này mua cho ai. O còn nhờ Y Bang mua cho O những bó nhang thơm để đêm đêm O thắp quanh nhà.

Sự giao hảo giữa O Kha và những người Thượng ở làng Mang Lát ngày càng thêm khắng khít. Những công việc O nhờ vả họ thì O đều trả tiền công. Ngược lại, những người Thượng cũng coi O như là một thành phần của dân làng. O thường gặp riêng Xà Biên hoặc Y Bang để hỏi về

một số phong tục tập quán của họ để tránh những hành động hoặc lời nói không phù hợp có thể xảy ra. O cũng bắt đầu học được một số tiếng nói của người Kô Hô như “chào anh, chào chị, ăn cơm, uống nước...”. Đám trẻ trong làng lúc đầu nhìn O với con mắt hiếu kỳ và xa lạ nhưng nhờ vợ chồng Xà Biên giải thích nên chúng càng ngày càng trở nên thân thiện với O hơn. O nhờ Y May xuống Cây Số 9 để mua bánh kẹo về phát cho lũ trẻ. Hầu như bọn trẻ ít có đứa nói được tiếng của người Kinh vì chúng ít có dịp theo cha mẹ chúng xuống phố tiếp xúc với người Kinh.

Chỉ trong vòng hai tuần lễ O Kha đã tạm thời ổn định cuộc sống với sự giúp đỡ của hai gia đình Xà Biên và Kờ Na. Mỗi ngày O làm thêm vài luống đất để sẵn sàng trồng rau. Tối về bên ngọn đèn dầu leo lét O ngồi nhớ lại thời gian của quá khứ từ những ngày còn ở ngoài Huế. Tuy gia đình không mấy khá giả nhưng O cũng được cho đến trường làng để học hết ban sơ đẳng tiểu học cho đến khi cha O là một viên chức nhỏ trong làng vì say mê một cô gái chằm nón bên làng Dạ Lê nên đã bỏ làng ra đi cùng người tình, nghe nói đi vào tận trong Nam để lập nghiệp, từ đó không liên lạc với gia đình. Mẹ của O buồn vì chồng mà sinh bệnh chết sau khi chồng bỏ đi không lâu. Thân nhân ngoài Huế không có ai, chỉ còn người cậu đi lính Tây rồi làm lính Bảo Đại mãi ở trong Đà Lạt. O được một gia đình quen giới thiệu về làm vợ một thanh niên Tây học trong làng nghiện thuốc phiện. Về làm dâu cũng chẳng được bao lâu thì anh chồng ngã bệnh lao mà chết. Hết nỗi buồn cha bỏ đi, mẹ chết rồi chồng cũng chết nên có lúc O có ý định ra cầu Tràng Tiền để nhảy xuống sông tự tử thì bất chợt có tin người cậu ở Đà Lạt nhắn tin muốn đem O vô Đà Lạt để sống với vợ chồng ông. O đã ở Đà Lạt được chín tháng và bị người cậu cố tình để cho một ông Tây làm nhục nên O đã quyết định tìm cách thoát khỏi gia đình người cậu. Thì ra người cậu chỉ muốn dùng O như một miếng mồi để moi tiền từ thằng Tây Claire Dubois. Ban đầu O muốn xin vào tu ở một ngôi chùa sư nữ nằm xa thành phố nhưng rồi O nghĩ ở đó chắc cũng không yên với người cậu. Nhớ lại những lời đường mật của người mợ, O không không khỏi tấm lợm. Cuối cùng O đánh liều làm quen với mấy người

Thượng và nhờ họ giúp đỡ. Những tưởng là chuyện “năm ăn năm thua” ai dè cuối cùng thì O đã thoát ra khỏi gia đình người cậu. Sau vài lần tiếp xúc với Xà Biên và Kờ Na ở bãi đất Chợ Cây O mới nói tên của mình cho họ biết để gọi nhưng O không nói tên thật mà bảo với họ cứ gọi tên mình là O Kha. Cái tên này về sau được loan truyền ở một số người Kinh miệt Cây Số 7, Cây Số 9 và lan cả xuống phố chợ Đà Lạt.

IV

Đang là tháng chạp âm lịch nên thời tiết rất lạnh. Thành phố Đà Lạt chìm trong sương mù dày đặc vào buổi sáng cho tới trưa lớp sương mới dần tan. Thời gian này dân thành phố hình như cũng co cụm lại, không ai muốn đi ra đường trừ khi có việc cần thiết. Thế nhưng vào những ngày sắp tết, theo cổ tục thì nhà nào cũng phải mua sắm nhiều thứ cho ba ngày tết sắp tới. Trong chợ cây tràn ngập những mặt hàng mới, ngoài các loại thực phẩm như cá thịt, rau cải, hoa trái...còn có những gian hàng bán áo quần giày dép và áo quần lạnh đủ kiểu đủ màu. Từ hai mươi sáu cho đến hai mươi chín tháng chạp lại có cả chợ đêm. Ngoài việc mua sắm, đây cũng là dịp thiên hạ rủ nhau hẹn hò đi dạo chơi, họ đi ra tới Bờ Hồ, đặc biệt là đám trẻ trai gái trong những chiếc áo lạnh dày cộm thả bộ đi đến tận vườn Bích Câu, có đám đưa nhau lên cả trên Đồi Cù, đám khác đi qua cầu Ông Đạo để đến nhà Thủy Tạ uống cà phê ăn bánh ngọt nhìn ra mặt hồ lấp lánh ánh đèn từ bên kia đường rọi xuống...

Vợ chồng ông Đội Có cũng không ngoại lệ. Ngoài việc mua sắm những thứ cần thiết cho ba ngày tết, họ còn mua một số quà để tặng cho những người quen, đặc biệt cho mấy “chef” nơi làm việc. Cũng không quên có món quà cho ông Tây Claire Dubois. Nhưng làm gì thì làm cả hai ông bà không quên một việc là đi đón đưa cháu gái từ ngoài Huế vào sau hơn hai tuần về làm đám kỵ cho chồng và thăm viếng bà con. Ông ghi rõ trong cuốn sổ tay: “*Đón cháu Phi Yến 5 giờ chiều ngày 20 tháng 1.*”. Cháu ông về Huế hôm 2 tháng 1 và sẽ lên tàu về lại Đà Lạt

ngày 18 tháng 1, chiều ngày 20 thì sẽ tới ga Đà Lạt...Còn bà Mai thì nhớ vợ chồng bà sẽ đón Phi Yến vào chiều 29 tết. Bà tính ngày 30 tết sẽ cúng tất niên vào buổi trưa, buổi tối sẽ đưa Phi Yến đi chùa Linh Sơn, ngôi chùa đầu tiên ở Đà Lạt do bà Hoàng Thị Cúc tức mẹ của vua Bảo Đại – bà Từ Cung bỏ tiền ra xây, khuya trở về nhà cúng giao thừa, mồng một đi thăm mấy ông “chef” của chồng, mồng hai đi thăm bạn bè và mồng ba...nói chung là trong một tuần lễ tết của năm Bính Tuất bà rất bận rộn. Nhưng việc mà bà cho là quan trọng nhất vẫn là chuyện của ông Tây Claire Dubois ngỏ ý muốn cưới cô cháu gái của ông bà làm vợ để trong tương lai sẽ đưa cô ta về Pháp. Vợ chồng ông Đội vẫn biết cô cháu không ưa nếu không muốn nói là ghét cay ghét đắng và thù “thằng Tây mũi lõ” háo sắc. Nhưng cả ông bà đã nhiều lần nhận quà nhận tiền của hắn nên những lần gặp hắn, ông đều hứa mọi chuyện sẽ thu xếp suông sẻ. Lần này ông sẽ lấy quyền của “cậu” thay mẹ để ép cô cháu phải bằng lòng.

Sau bữa cơm trưa ngày 29 tết bà Mai nói với chồng: *“Lúc con Phi Yến về Huế ông và tui có dặn nó là trước khi vô lại Đà Lạt vài bữa thì nhớ lên ga Kim Long đánh dây thép (21) cho mình biết mà nó quên...”*. Ông Đội Có vội vã đứng dậy bước ra sân vừa đạp nổ máy chiếc motobécane vừa nói vọng vào: *“Chắc là ham ăn ham chơi nên quên chớ chi...”*. Bà Mai dọn dẹp bàn ăn rồi vào trong phòng lấy chiếc áo lông màu trắng đến đứng trước gương bận vào và ngắm soi ngắm ngó, lúc thì xoay qua phải, khi thì xoay qua trái rồi mỉm cười đắc ý tự nhủ: *“Mình bận chiếc áo ni cũng đẹp như mấy đứa con gái chớ có thua chi...”*. Nhưng rồi bà vội vã cởi chiếc áo lông ra và cẩn thận xếp gọn lại đặt vào chiếc giỏ lát để bên cạnh. Bởi vì đây không phải chiếc áo lông của bà mà là chiếc áo long Clair Dubois mua từ xứ Bretagne (22) bên Pháp để tặng

(21) Đánh dây thép: Gửi điện tín

(22) Một tỉnh nằm ở phía tây nước Pháp nổi tiếng về áo lông cừu

cho Phi Yến. Tự dưng bà nổi máu ganh tị với đứa cháu và muốn lấy chiếc áo lông đem đi xé đi đốt cho bỏ tức nhưng bà đã chận đứng được ý nghĩ điên rồ đó...

Bốn giờ chiều ông Đội Có lái chiếc peugoet 203 của đại úy Ngử về. Mấy người lớn tuổi ở đầu ấp thấy chiếc xe chạy vào cũng mở cửa bước ra chống nạnh nhìn theo, vài ba đứa trẻ chạy theo đến tận cửa nhà ông để nhìn cho tận mắt chiếc xe hơi màu đen bóng loáng.

Khi vợ chồng ông Đội đến ga Đà Lạt trước năm giờ chiều cũng là lúc bên trong phòng đợi đã có đông người đứng ngồi chờ đón thân nhân. Nhiều người ở xa trở về ăn tết nên số người đến đón đông như vậy. Người nào cũng áo lạnh hai ba lớp để chống lại với cái lạnh từ núi rừng tràn về vào thuở mà Đà Lạt vẫn còn là vùng đất hoang vu với số cư dân chỉ vài ngàn người. Bà Mai tìm một chỗ ghế trống để ngồi, tay ôm chiếc giỏ lát đựng chiếc áo lông. Ông Đội đứng gần cửa ra vào sân ga để ngóng ra ngoài, thỉnh thoảng đưa mắt nhìn xuống chiếc đồng hồ hiệu Certina cũ mua của một ông lính Tây trước khi ông này về nước. Năm giờ...năm giờ năm...năm giờ mười thì ông nghe một hồi còi từ xa vọng vào. Chuyển tàu từ Tháp Chàm lên Đà Lạt kéo còi báo hiệu tàu sắp vào sân ga. Mọi người nhốn nháo đứng lên chồm mình ra phía trước để nhìn cho được con tàu phì khói đen đang chầm chậm tiến vào. Tàu dừng lại và người trên tàu mang đủ



loại hành lý tuần tự bước xuống sân ga. Hành khách đủ mọi lứa tuổi vội vã bước tới gặp thân nhân cười cười nói nói làm thành một thứ âm thanh hỗn tạp ngay từ ngoài sân ga cho đến trong phòng đợi. Bà Mai ôm chiếc giỏ đứng dậy tiến ra chỗ ông Đội. Khách đã rời tàu gần hết nhưng ông chưa thấy Phi Yến đâu cả. Đến lúc chỉ còn vài người khách cuối cùng ông vẫn không nhìn thấy đứa cháu. Cả hai ông bà nóng ruột đưa mắt nhìn quanh, mọi người đã rời phong đợi để ra về. Ông đưa

tay ra dấu cho bà Mai đứng tại chỗ rồi bước nhanh ra sàn ga, nhảy lên tàu đi từ toa này đến toa khác để tìm Phi Yến. Không còn một ai trên các toa tàu. Trời thì lạnh mà ông toát mồ hôi. Rời tàu, ông nắm tay bà Mai dắt trở lại phòng đợi tìm một nhân viên nhà ga hỏi xem có còn chuyến tàu nào từ Tháp Chàm lên Đà Lạt nữa hay không. Nhân viên đáp: *“Dạ, mỗi ngày chỉ có một chuyến mà thôi”*. Ông hoàn toàn thất vọng, quay sang bà vợ cũng đang hoang mang tột độ, ông nói: *“Cái con chết tiệt ni...mi đi mô mà không về...mi đi mô...?”*. Ông bước nhanh ra xe trong khi bà Mai lững thững bước từng bước một như người mất hồn...

Sau khi mang chiếc peugeot trả cho đại úy Ngữ, ông Đội trở về nhà với tâm trạng lo âu bối rối cùng cực. Tối hôm đó ông uống hết chai rượu Bordeaux và ngồi ôm đầu suy nghĩ. Thấy thế bà Mai lên tiếng: *“Hay là con Phi Yến đi trệt chuyến tàu ở ga Tháp Chàm, chắc nó lên lộn lên chuyến tàu vô tốt trong Sài Gòn rồi!”*. Nghe thế ông Đội choàng tỉnh *“ừ hỉ...chắc là như rứa rồi...nhưng chừ thì biết mô mà đi tìm đây!”*. Đối với Sài Gòn thì ông chỉ nghe chứ chưa bao giờ có dịp đặt chân đến đó. Ông nghe nói Sài Gòn là chốn đô hội, đông người, ai lạc vô trong đó thì khó mà tìm ra... *“nhưng mà...”* ông tiếp *“Chắc con ni về ngoài nớ ham vui rồi chưa chịu vô...mai tui đi đánh dây thép nhờ người quen ở Huế xuống Kim Long tìm nó...bắt nó đi vô luôn...”*. Bà Mai đồng tình và bảo *“đi nghỉ sớm để mai còn lo công việc, nhất là không biết phải trả lời với ông Claire Dubois làm sao đây...”*.

Sáng hôm sau, trước khi đến sở, ông Đội Có ghé nhà dây thép gió (23) để đánh dây thép về Huế cho người bạn cùng đi lính Tây hồi trước, nay làm ở nhà dây thép gió ở Huế. Nội dung là nhờ ông này đến làng Kim Long tìm nhà của vợ chồng ông Phan Hữu Cầm là cha mẹ chồng của Phi Yến để tìm dùm và nếu gặp thì bảo nó vô Đà Lạt ngay. Đồng thời

(23) Nhà dây thép gió: Bưu điện

ông Đội cũng gửi cho người bạn một tấm mandat (24) mười đồng coi như đền ơn ông này. Buổi chiều ông Đội Có đến nhà Claire Dubois để báo tin rằng một tháng nữa Phi Yến mới trở về Đà Lạt vì đau nặng. Nghe thế Claire Dubois buồn ra mặt.

Từ hôm đánh dây thép về Huế để nhờ người bạn, ông Đội ăn không ngon ngủ không yên, lòng dạ bồn chồn. Trong khi bà Mạ giữ im lặng, không muốn đá động gì đến chuyện cô cháu Phi Yến vì sợ làm cho ông Đội thêm bực mình. Bà biết ông Đội đã nhờ người ngoài Huế đi tìm rồi. Đối với ông Đội mỗi ngày trôi qua là một quãng thời gian dài lê thê. Năm sáu ngày đã qua nhưng ông Đội chưa nhận được dây thép trả lời của người bạn. *“Chắc là đang bận...chắc là đang ăn tết... chắc là con Phi Yến bị bệnh ...chắc là bên nhà chồng giữ lại...chắc là...chắc là...”*. Ông Đội hy vọng đủ thứ *“chắc là...”* rồi *“con Phi Yến sẽ trở về Đà Lạt”* và ông Claire Dubois sẽ vui mừng và tặng cho ông một số tiền lớn nữa...

Tết là những ngày rất buồn đối với vợ chồng ông Đội. Ngoài mấy ngày đi thăm các “chef” và một số bạn bè thân thiết, còn thì ông ngồi nhà nghĩ hết chuyện này đến chuyện nọ. Ông lo cho đứa cháu đi lạc vô Sài Gòn và tự trách mình là không dặn dò cho thật kỹ hoặc là cho mẹ vợ đi theo nó thì đâu có chuyện gì xảy ra. Nghĩ lại ông cũng cảm thấy thương đứa cháu gái, không còn cha còn mẹ, chồng chết, vô đây dưới sự đùm bọc của vợ chồng ông, ông cũng muốn giới thiệu cho ông Tây vốn rất nhiều tài sản ở Pháp và có chức quyền để đứa cháu được yên phần hạnh phúc, nào ngờ đâu *“cái thằng Tây”* sàm sỡ ngay buổi gặp đầu tiên khiến đứa cháu căm ghét ra mặt...Trách “thằng Tây” rồi lại trách mình... *“tại mình khoe đứa cháu...tại mẹ vợ xúi...”*

Trưa mùng mười tháng giêng nhân viên phong công văn cầm tờ điện tín đưa cho ông Đội. Ông vội mở ngay ra xem. Đọc nội dung: *“Cháu Phi Yến không về Kim Long”*. Ông toát mồ hôi và thấy đầu óc choáng váng. Rồi sờ làm về nhà sớm đưa tờ điện tín cho bà Mạ xem. Xem xong bà

Mại nói như hét vào tai ông Đội: *“Sao lại có chuyện lạ đời như ri...mình đưa nó ra ga lên tàu hắt hoi mà...hay là khi từ Đà Lạt xuống Tháp Chàm nó lên lộn tàu vô Sài Gòn rồi...thôi rồi...biết làm rằng chừ đây hả ông...”* rồi bỏ đi vô buồng trong. Ông Đội bứt đầu bứt tai nói lớn: *“Ăn làm rằng nói làm rằng với thằng Dubois đây...”*.

Trong suốt một tháng trời ông Đội nghĩ cách để cho Claire Dubois tin là Phi Yến bệnh. Cuối cùng ông nghĩ cách là viết thư cho người bạn khác kể hết mọi chuyện và nhờ ông ta gửi cho ông một điện tín ghi *“Ngày 20 tháng 2 năm 1947 con là Phi Yến sẽ vô lại Đà Lạt”*. Trong thư ông Đội không quên gửi kèm thêm tấm mandat mười đồng. Một tuần sau ông Đội nhận được điện tín và lập tức chạy mô tô đến nhà Claire Dubois để đưa cho ông này xem. Ông Claire Dubois vui vẻ mời ông Đội ở lại dùng cơm chiều.

Cả hai vợ chồng ông Đội không biết có cách nào để đi tìm đứa cháu thất lạc vô Sài Gòn. Ông cũng không quen ai trong Sài Gòn nên chẳng biết nhờ cậy ai. *“Vô phương...vô phương...”* ông lẩm bẩm như người mất trí. Bà Mại thì cũng dần dần dờ dờ như ông chồng và cứ vài bữa lại lấy chiếc áo lông ướm thử vào người. Rồi ngày 20 tháng 2 đã đến. Tối hôm đó cả hai vợ chồng đón taxi đến nhà ông Claire Dubois. Vừa mở cửa thì thấy ông Đội dìu bà Mại đang ôm mặt khóc, nước mắt ràn rụa. Dubois không biết duyên cớ gì bèn đưa bà Mại đến ngồi ở ghế nệm còn ông Đội thì vẻ mặt buồn rầu nói với Dubois *“Hôm nay Phi Yến từ Huế vô nhưng chắc đi lộn tàu vào Sài Gòn nên chúng tôi đi đón mà không thấy...”*. Dubois ngạc nhiên hỏi: *“Sao ông biết cô ấy đi vô Sài Gòn?”*. Ông Đội đáp ngay: *“Chúng tôi đã dặn khi tàu vô tới Tháp Chàm thì phải xuống để đổi tàu lên Đà Lạt vì đường lên Đà Lạt dốc nên phải đi tàu có răng cưa...chắc Phi Yến quên không xuống tàu hoặc lên một tàu khác...”*. Dubois lại càng ngạc nhiên khi biết chuyện đổi tàu ở Tháp Chàm, chuyện này ông mới nghe lần đầu. Bà Mại vẫn lấy hai tay ôm mặt cho đến khi Dubois cúi xuống lắc lắc hai vai bà rồi nói: *“Đừng khóc nữa bà Đội...chúng ta sẽ tìm ra Phi Yến mà...”*. Tuy nói thế nhưng Dubois cảm thấy hoang mang và nghĩ *“sao có chuyện lạ như vậy được...không*

biết chuyện thiệt hay ông bà Đội dàn cảnh để muốn gì đây...?”. Cuối cùng Dubois nói: “Thôi, ông bà Đội về đi...ngày mai tôi sẽ ghé nhà ông bà Đội để nói chuyện...”.

Hôm sau Dubois ghé nhà ông bà Đội xin một tấm hình của Phi Yến. Sau một lúc lục lạo trong mấy cuốn album, ông Đội đưa cho Dubois một tấm hình cũ trắng đen chụp vào khoảng Phi Yến mười lăm tuổi. Dubois cầm tấm hình nhìn một cách âu yếm xong cho tấm hình vào túi áo và bước ra cửa đồng thời với lời: *“Tôi đã đưa cho ông bà một nghìn hai trăm đồng rồi...”*. Ông bà Đội không hiểu Dubois nói gì.

Những ngày sau đó cả vợ chồng ông Đội cứ loay hoay với những giả thuyết Phi Yến thế này thế nọ... *“chắc nó lên chuyển tàu vô Sài Gòn...rồi nó sẽ tìm cách trở lại Đà Lạt trong nay mai thôi...”* hoặc giả *“nó đã rời khỏi nhà chồng rồi trốn qua làng khác để ở...”* hay là *“bị thằng nào bỏ bùa mê thuốc lú và trốn theo nó rồi...”* hay là...hay là...Còn bà Mai lại lo chuyện *“Thằng Dubois sẽ đòi lại số tiền đã đưa cho vợ chồng ông...thằng Dubois sẽ đòi lại chiếc áo lông cừu...”*. Hai vợ chồng chỉ đặt những giả thuyết nói trên chứ chưa có hành động nào cụ thể để tìm cho ra cô cháu Phi Yến. Cho tới một hôm trong bữa cơm chiều ông Đội báo cho bà Mai một tin là ông sẽ đích thân ra Huế để tìm Phi Yến, ông đã mua vé rồi và ngày hôm sau sẽ lên đường...Ông nghĩ là bên nhà chồng của Phi Yến đã giữ Phi Yến không cho vô Đà Lạt sau khi nghe Phi Yến kể chuyện bị thằng Tây làm nhục và vợ chồng người cậu muốn gã Phi yến cho một thằng Tây.

Những ngày sau tết làng Kim Long vẫn còn chìm trong giá lạnh. Một buổi sáng khi phía bắc dòng sông Hương vẫn còn che phủ bởi một màn sương mỏng trắng đục, ông Đội sau khi trả tiền cho ông già chèo ghe, bước lên bờ và gọi một chiếc xe kéo bảo chở thẳng tới nhà ông Phan Hữu Cầm. Người kéo xe hỏi ông Đội: *“Có phải ông Cầm là em của quan thượng thư bộ lễ Phan Hữu Điền hay không?”* thì ông Đội trả lời *“Đúng như rứa...”*. Người kéo xe vội nhấc hai gọng xe lên rồi nhắm đường đến nhà ông Phạm Hữu Cầm chạy tới. Chỉ chừng nửa tiếng sau, chiếc xe

kéo dừng lại trước nhà ông Phạm Hữu Cầm chỉ cách ngôi đình làng vài chục thước, phía trước có hồ sen và hai bên lối vào là hai hàng chè xanh được cắt xén tươm tất. Ông Đội xuống xe và đưa cho người kéo xe tờ một đồng. Người kéo xe mở to đôi mắt nhìn tờ giấy bạc rồi nhìn ông Đội *“Dạ thưa ông...tui không có tiền thối...”*. Ông Đội với giọng lạnh lùng *“Khỏi thối...đứng đợi tui ngoài kia, chút nữa chờ tui trở lại...”*.

Đứng trước cửa, ông Đội sửa chiếc nón phớt trên đầu cho ngay ngắn, kéo hai vạt áo vest cho thẳng rồi gõ cửa. Cửa mở và một người đàn ông chừng ngoài sáu mươi mở to mắt nhìn ông Đội và hỏi: *“Thưa ông...ông có chuyện chi...?”* Ông Đội giở nón cúi đầu chào *“Dạ...tui là cậu ruột của cháu Phi Yến...”*. Ông Đội chưa nói hết câu thì người đàn ông cắt ngang *“Tui biết rồi...Ông ra đây để tìm con Phi Yến phải không? Ông đã nhờ người trên Huế xuống đây để tìm rồi phải không? Con Phi Yến là người bằng xương bằng thịt làm sao tui giú nó được...Nó đã đi theo vợ ông vô trong Đà Lạt gần cả năm trời rồi chứ còn đâu đây nữa mà tìm...thôi...mời ông vô nhà uống nước...”*. Như bị dội gáo nước lạnh vào mặt nhưng ông Đội vẫn cười mà nói *“Dạ thưa ông...ông đã cho cháu Phi Yến vô sống với vợ chồng tui nhưng trong năm nó xin vợ chồng tui về làm đám kị cho chồng và hẹn ngày 29 tháng chạp sẽ vô lại Đà Lạt nhưng cho đến nay không thấy nó đâu cả, không biết nó thất lạc nơi mô...”*. Nghe đến đây, người đàn ông đay nghiến: *“Nghe bà vợ của ông năn nỉ và đọc lá thơ của ông nói hoàn cảnh tội nghiệp nên tui mới cho đứa con dâu vô ở với ông...ai ngờ lại xảy ra chuyện như ri... chừ ông tính làm sao đây hả...?”*. Ông Đội có cảm giác nóng bừng cả người trước câu hạch hỏi của người đàn ông nên vội vã đáp: *“Dạ thưa ông...thực tình thì vợ chồng tui thương cháu Phi Yến lắm, hơn nữa tui tui không có con nên mới xin ông cho cháu vô ở với chúng tôi...chắc là trên đường về Huế hồi tháng chạp cháu Phin Yến đã đi lộn tàu vô Sài Gòn...Thôi thì để tui sẽ đi tìm cho ra cháu...”*. Người đàn ông vỗ vào vai ông Đội và nói như đuối: *“Thôi...ông đi về để tìm đứa con dâu của tui...khi nào tìm được thì nhớ cho tui biết với nghe...”*. Không biết nói gì thêm, ông Đội cúi đầu chào người đàn ông rồi quay người bước ra sân.

Không biết trong đầu ông Đội đang suy nghĩ gì nhưng khi đi ngang qua chỗ người kéo xe ông ta đi luôn chừng như không thấy người kéo xe đang đứng bên chiếc xe để chờ ông cho đến khi người kéo xe gọi “*ôn ơ...ôn ơ*” thì ông Đội mới giật mình quay lại bước lên xe.

V

Sau hơn ba tháng nhờ sự giúp đỡ của gia đình Xà Biên và Kờ Na, O Kha tạm ổn định đời sống cá nhân và nhanh chóng thích hợp với cuộc sống mới cũng như thời tiết nơi vùng núi rừng lạnh giá. Mỗi ngày O ra ngoài cuốc đất vun luống để trồng các loại rau trái với sự bảo đảm của nhà Xà Biên và Kờ Na là họ sẽ mang những loại rau trái này để đem xuống phố bán dùm cho O.

O Kha cảm thấy hình như có một mãnh lực nào thôi thúc khiến O có ý định là sẽ có một đời sống gắn liền với tâm linh – điều mà O chưa thể nào hình dung, tưởng tượng ra được. Trước hết O từ bỏ ăn uống theo cách của những người thường, O chuyển sang ăn uống đạm bạc như những nhà tu Phật Giáo. Trong nhà O không có bàn thờ Phật nhưng có một bát nhang đặt trên một chiếc kệ nhỏ bằng gỗ đóng vào vách gỗ thông. Mỗi đêm trước khi đi ngủ O đến thắp nhang ở kệ, sau đó O cầm cả nắm nhang ra cắm ở chung quanh nhà. O không biết tụng kinh niệm Phật hay nói ra bất cứ một lời khấn nguyện nào mỗi khi thắp nhang nhưng mỗi lần như thế nhưng O cảm thấy tâm hồn thanh thản bình yên. O muốn mình quên hết mọi chuyện của quá khứ và chấp nhận cuộc sống mình đã chọn từ nay cho đến mãi về sau...dù có thế nào. Có lần Xà Biên và Kờ Na hỏi việc O cắm nhang khắp nơi quanh nhà thì O đáp: “*để cầu xin ông Giàng (25) phù hộ...*”.

Một buổi sáng khi O Kha vác cuốc ra vườn thì gặp cha con Xà Biên từ dưới chân đồi đi lên. O hỏi: “*Cha con Xà Biên đi đâu sớm vậy? Xà Biên nhìn O và đáp: “Tối qua tui thấy có ông cọp về ngồi phía sau nhà của O*

(25) Ông Giàng: Vị thần của dân tộc Kô Hô có quyền ban phúc hay giáng họa

...tui sợ cho O lắm...". O Kha thản nhiên đáp: "Ông cạp về chắc là người thấy mùi nhang thơm và chắc Ông Giàng cho ông cạp về để phù hộ cho tui...Xà Biên đừng lo...ông cạp không ăn thịt tui mô...". Xà Biên trố mắt nhìn O ngạc nhiên và định quay gót xuống đồi nhưng O Kha liền ra dấu cho cha con Xà Biên bước vô nhà. Vào đến bên trong cả hai cha con Xà Biên lại càng ngạc nhiên, định bước trở ra khi nhìn thấy một bầy chuột chừng hai ba chục con đang chạy lung tung trong nhà và cả trên các cây cột cây kèo... O Kha lại ra dấu cho cha con Xà Biên ngồi ở chiếc ghế cây do O tự làm rồi lấy nước trà và thầu kẹo đem đến mời cha con Xà Biên ăn. Xà Biên khi đó trông giống như người bị câm, không nói nên lời và mặt cứ chăm chăm nhìn vào lũ chuột đang chạy khắp nơi trong nhà. Ở bốn góc nhà Xà Biên thấy có bốn cái chén sành trong đó có đựng gạo và lũ chuột tranh nhau chúi đầu vào mà ăn làm tung tóe cả ra ngoài nền đất. Chờ cho Xà Biên ăn xong mấy viên kẹo nougat, O Kha cười bảo: "Xà Biên biết không...mấy con chuột này cũng do ông Giàng cho đến đây để giúp cho tui đó, đừng sợ...". Nghe nói tới hai tiếng Ông Giàng là Xà Biên liền lộ vẻ tôn kính và có phần sợ hãi ra mặt. Trong đầu Xà Biên thoáng có ý nghĩ: "O Kha này chắc là con cháu gì với ông Giàng nên cho ông cạp, cho ông chuột đến để giúp cho O đây...". Biết cha con Xà Biên đang hoang mang về ông cạp và các chú chuột nên O Kha vội lấy từ trong túi ra tờ bạc một đồng đưa cho Xà Biên và nói: "Hôm nào Xà Biên xuống chợ Đà Lạt thì mua dùm cho tui gạo để tui cho mấy con chuột nó ăn...". Xà Biên cầm tiền và đứng dậy cúi đầu chào O Kha rồi cả hai cha con bước nhanh ra khỏi nhà. O Kha đứng nhìn theo và thấy thương hai cha con Xà Biên, cha con nhà Kờ Na và cả dân làng ở đây. Nếu không có sự giúp đỡ của họ có lẽ giờ đây O đang phải vất vả đối phó với người cậu ruột cùng lão Tây Dubois háo sắc. Màn sương lam buổi sáng cũng đã tan biến khi mặt trời vừa ló dạng ở đằng đông của dãy Núi Bà.

Những người đầu tiên ghé đến căn chòi của O Kha sau cha con Xà Biên không ai khác hơn là dân làng Mang Lát. Vào một buổi chiều khi trời vừa sập tối thì một nhóm chừng hai mươi người từ dưới chân đồi đi

lên. Họ đều mặc trang phục của ngày lễ hội. Đàn ông, ngoài những chiếc khố truyền thống họ còn mặc thêm một chiếc áo dệt thổ cẩm màu sắc rực rỡ dài đến đầu gối, trên đầu quấn một dải vải thổ cẩm, người cầm chiêng kẻ xách cồng, người khác mang theo khèng, số còn lại khiêng hai vò rượu cần và hai con heo cùng một số vật dụng khác

thường thấy trong những ngày lễ hội “Cúng Giàng”. Đàn bà và thiếu nữ vẫn mặc những chiếc xà rông dài xuống tận gót chân,



mình trần. Theo phong tục của người Kô Hô, phụ nữ khi đến tuổi lập gia đình thì phải thực hiện nghi thức “cà răng căng tai” trước khi đi “bắt chồng” (26). O Kha thấy đám đông dân làng Mang Lát kéo lên chòi của mình, O không khỏi ngạc nhiên hỏi Xà Biên: *“Hôm nay các anh các chị làm gì thế?”*. Xà Biên với vẻ mặt nghiêm trang hơn mọi khi trả lời: *“Hôm nay chúng tôi đến nhà O Kha để xin Ông Giàng giữ cái nhà cho O Kha...”*. O Kha hiểu họ đến cúng Ông Giàng và thế nào cũng có việc giết heo. O muốn hỏi chuyện giết heo và muốn bảo họ đừng giết nhưng O không dám lên tiếng vì sợ làm họ phật lòng và hơn nữa nếu đây là phong tục của họ thì O không có lý do gì để ngăn cản. O im lặng và theo chân họ lên đồi để dự lễ cúng Ông Giàng.

Dưới sự điều khiển của Y Tê - dân làng cao tuổi nhất, mọi người đứng hàng ngang, mắt hướng về đỉnh của hai ngọn Núi Bà mà người Kô Hô gọi là “Núi Ông Giàng”. Mọi người đặt chéo hai cánh tay lên nhau, hai bàn tay để trên vai, mắt thành khẩn hướng về “Núi Ông Giàng” đang chìm dần trong bóng tối. Những vì sao trên trời nhấp nháy sau màn sương đêm và cái lạnh của tiết cuối năm làm cho cảnh núi rừng vốn đã

(26) Người Kô Hô theo chế độ mẫu hệ, con gái đi cưới chồng gọi là “bắt chồng”

âm u lại càng thêm vẻ huyền bí. Những bó đuốc được thắp lên bằng mủ của cây sơn làm sáng cả một một khoảng không gian đồi núi. Ông già Y Tê giống như người đang lên đồng sau khi cho vào miệng mấy chiếc lá màu tím để nhai, sau đó là những lời khấn nguyện cùng cái đầu của ông, lúc nghiêng sang phía phải, khi ngả sang phía trái, lúc cúi về phía trước, khi ngửa ra phía sau rồi liên tục lắc đầu và cuối cùng đọc những lời:

Yàng cih dơ jóng lốt brê
Yàng cih dơ tê lơh kòi
Yàng cih dơ bơ hòi Yàng
Yàng cih dơ kàng đơs yau

(Thần vạch nơi chân đi rừng
Thần ghi nơi tay làm lúa
Thần khắc nơi miệng gọi Thần
Thần chạm nơi hàm nói khôn)

Sau khi đọc xong Y Tê hét lên một tiếng nghe chừng như âm thanh của từ trên núi “Ông Giàng” dội về. Y Tê bừng tỉnh và dân làng cũng bừng tỉnh. Tiếp theo là Xà Biên bước tới nơi có hai con heo đang buộc vào một cây cột để tháo dây ra. O Kha thấy thế nghĩ ngay *“mình phải che mắt lại để khỏi thấy cảnh con heo bị giết...”* rồi O đưa hai tay che kín mặt. O nín thở và chờ nghe tiếng heo kêu khi bị giết. Một phút trôi qua. Hai phút trôi qua. Ba phút trôi qua...mà O không nghe tiếng heo kêu. Cho đến khi cả dân làng cùng nhau la lên một tiếng thật lớn *“Giàng Xa Pha Giàng Xa Pha...”* thì O mở mắt nhìn mọi người. O không thấy hai con heo trong khi đó Xà Biên đang đuổi cho chúng chạy ra khỏi đám đông để biến vào bóng đêm.

Tiếng chiêng cồng cùng lúc nổi lên, hai hũ rượu cần được đem ra và dân làng ngồi quanh lần lượt uống rượu và chuyện trò vui vẻ. O Kha vừa ngạc nhiên vừa sửng sốt trước việc “Cúng Giàng” của dân làng Mang Lát. Hóa ra O đã nghĩ sai về họ, O nghĩ thế nào họ cũng giết heo để cúng Ông Giàng. Vài ngày sau khi gặp lại Xà Biên O đã hỏi chuyện

thì được Xà Biên cho biết: *“Giết con heo giết con trâu để cúng Ông Giàng là phong tục của dân làng...nhưng việc cúng Ông Giàng vừa rồi là tui tui đã xin Ông Giàng để không giết con heo vì biết O Kha không ưa giết con heo...Ông Giàng ưa nên tui tui thả con heo lên núi cho Ông Giàng...”*. O Kha cảm động khi nghe được những lời giải thích của Xà Biên. Xà Biên còn nói thêm *“Tui tui đã xin cho O Kha ở với dân làng tui tui và Ông Giàng cũng ưa...”*.

Kể từ hôm đó O Kha trở thành dân làng Mang Lát và O học tiếng Kô Hô



bắt đầu bằng những chữ thông dụng như cái nhà, cái cuốc, gạo, nước, áo quần, ăn, uống...O ghi cách phát âm vào một cuốn sổ nhỏ để mỗi khi quên thì giở ra đọc. O càng ngày càng thấy thương dân làng Mang Lát, nhiều lúc O nghĩ:

“Có lẽ kiếp trước mình là người Kô Hô, kiếp này là người Kinh nên ông Giàng bắt lại, cho mình về với dân làng Mang Lát...”. Lúc ở với người cậu dưới phố O thường nghe người Việt gọi những người Kô Hô là “Mọi”. O nghĩ đến hai chữ “mọi rợ” nhưng thực tế khi tiếp xúc trong thời gian vừa qua O đâu thấy họ hành xử mọi rợ gì cả mà trái lại họ là những người đầy lòng nhân ái. Mỗi dân tộc đều có đời sống, phong tục tập quán riêng và họ cũng là con người với tất cả đặc tính “Hỷ Nộ Ai Lạc Ái Ố Dục”. Chỉ vì họ sinh ra nơi vùng rừng núi, chưa giao tiếp nhiều với đời sống văn minh mà thôi. Nhiều đêm nằm ngủ O Kha mãi tìm cách lý giải, không hiểu tại sao ông trời lại đối đãi bất công với họ như thế.

Rồi bỗng một hôm, sau khi lên đồi để đào mấy gốc khoai mì trở về, O Kha thấy có một nhóm ba người Kinh đang đứng trước cửa chòi. O không khỏi ngạc nhiên và lo sợ. Ngạc nhiên là vì sao lại có người biết O

ở đây. Đến để làm gì? Lo sợ rằng có phải những người này do ông Đội sai đến để bắt O về. Tại sao người cậu biết được? Ai đã cho ông biết? Phải đối phó làm sao? Phải nói làm sao với mấy người này? O hơi lúng túng khi giáp mặt với họ. Đến khi một người phụ nữ lên tiếng “*chào O Kha*” thì O giật mình. Sao họ biết tên mình? Họ muốn gì đây? O cảm thấy có nguy cơ trước mặt nên cố lấy bình tĩnh để mời ba người khách không đợi vào nhà. Cả ba đều là phụ nữ, hai người trung niên và một người lớn tuổi đã chào O. Người này nói giọng Huế, tiếng trong và nhỏ. O bỏ cuốc và giỏ khoai uống đất, mời ba người ngồi và mang bình nước trà và ba cái chén rót trà mời khách. Cùng khi đó ba người khách kịp nhìn quanh trong nhà thì thấy một đàn chuột đang chạy khắp nơi. Họ thu người ngồi lại gần nhau như để tránh lũ chuột có thể tấn công họ và trên vẻ mặt họ lộ vẻ sợ sệt. O Kha đưa nước mời từng người một và để đáp lại sự ngạc nhiên của họ, O nói: “*Không rằng mô, bầy chuột ni là con cái trong nhà, chúng không cắn phá chi mô...mời uống nước...*”. Phản ứng đầu tiên của ba người khách là họ cảm thấy an toàn trước bầy chuột. Yên tâm hơn khi họ nghe O Kha cũng nói bằng giọng Huế như họ. Họ đặt chén trà lên chiếc bàn nhỏ bên cạnh rồi đưa mắt nhìn khắp bên trong căn chòi, ngược mắt nhìn lên họ thấy trên trần nhà có đến ba bốn con rắn đang cuộn mình trên các cây kèo nhà, có con đang chậm chạp trườn mình trên trần nhà. Sự bình tĩnh của họ lại biến mất nhưng O Kha tiếp tục lên tiếng trấn an: “*Rắn ni cũng con cái trong nhà...không rằng mô...*” O hỏi ba người: “*Rứa các chị ghé nhà tui có chuyện chi không?*” Người lớn tuổi thưa rằng: “*Tụi tui nghe người ta nói O đi tu ở đây và có nuôi chuột nuôi rắn trong nhà nên tụi tui muốn ghé coi cho biết...*”. O Kha cười: “*Tui có tu hành chi mô, kinh kệ có biết chi mô, chỉ nhờ mấy người Thượng cho sống ở đây để làm vườn làm rẫy nuôi thân qua ngày...*”. Ba người khách chăm chú nghe và không dám rời chỗ ngồi trong khi đó O Kha cũng chuẩn bị trong đầu những câu trả lời mà khách có thể hỏi tới. Ba người khách tiếp tục đưa mắt quan sát bên trong căn chòi khá tươm tất. Bất chợt người phụ nữ lớn tuổi hỏi: “*Nghe nói có cọp hay về nhà O phải không?*” “*Dạ, lâu lâu cũng có mấy*

“ngài ba mươi” (27) ban đêm về ngồi sau nhà thôi, không chừng túi ni (28) có ngài về, các O có muốn ở lại để gặp ngài về không? O Kha trả lời. Cả ba đều nhẹ lắc đầu. Để chấm dứt câu chuyện có thể kéo dài nên O Kha mời cả ba người cùng ra phía sau nhà vá hái cho mỗi người một mớ dưa chuột, một ít cà chua rồi vô nhà lấy một ít khoai mì mới đào để tặng họ. O Kha đã khéo léo chuyển sang câu chuyện trồng trọt, không để cho họ có cơ hội hỏi thêm điều gì nữa. Ba người khách cảm ơn O trước khi ra về. Khách về rồi O Kha ngồi thờ người suy nghĩ mãi về sự ghé thăm của ba người phụ nữ. Nhiều câu hỏi cứ loanh quanh trong đầu O. Ai đã nói cho họ biết O ở đây? Cả ba đều nói tiếng Huế có quen biết gì với ông Đội Có hay không? Họ đến đây thăm dò điều chi hay chỉ tò mò muốn biết?... Anh em nhà Xà Biên và Kờ Na nói cho họ biết? Dân làng Mang Lát nói cho họ biết? Và nhiều câu hỏi liên tục hiện ra trong đầu khiến O cũng bắt đầu thấy hoang mang lo sợ. O cảm thấy mệt và trưa hôm đó O không nấu cơm và nằm ngủ như người bị bệnh. Buổi chiều tỉnh dậy, O lấy gạo cho lũ chuột ăn và nhìn mấy con rắn vẫn bò quanh trên trần nhà.

Những tuần kế tiếp sau đó cũng có một số người ghé thăm căn chòi của O chỉ để nhìn thấy đàn chuột và mấy con rắn sống chung với O. Có khi họ mang theo một vài chai xì dầu, xấp bánh tráng hay một bịch đường để tặng cho O. Cuối cùng thì O Kha cũng nghiệm ra rằng những người đến đây vì hiếu kỳ chứ không có ý gì khác mà đa số toàn là phụ nữ, lớn tuổi cũng có, nhỏ tuổi cũng có. Những người này ở cách làng Mang Lát không xa, họ là cư dân ở số 4, số 6, số 7 và số 9 (29).

Một lần vào giữa tiết mùa thu lạnh giá và mưa kéo dài lê thê từ ngày này sang ngày khác có cặp vợ chồng chừng ngoài bốn mươi cùng đi với người phụ nữ lần đầu tiên đến thăm O Kha. Gặp lại người phụ nữ này O Kha nhận ra ngay và ân cần mời cả ba vào nhà trò chuyện. Người phụ nữ này tên là Hà và hai vợ chồng đi theo tên là Cát và Thanh.

(27) Ngài ba mươi: Vì tin dị đoan nên gọi cạp là ngài ba mươi hoặc ông ba mươi

(28) Túi ni: Tối nay

(29) Tên những địa danh nằm ở phía bắc thành phố Đà Lạt

Ngoài việc ghé thăm để tận mắt thấy lũ chuột lũ rắn như những lời truyền miệng, họ còn xin O Kha cho họ nghỉ lại đêm trong căn chòi này. Đôi vợ chồng này không phải là dân Đà Lạt, họ là cháu của bà Hà từ Sài Gòn lên chơi. Vì đã chuẩn bị sẵn để trả lời các câu hỏi nếu có nên O Kha vui vẻ nhận lời cho họ ở lại đêm. Sau bữa ăn chiều đậm bạc O Kha đưa họ lên đồi thông để ngắm cảnh trời chiều. Ba người khách co ro bước sau O Kha với những chiếc áo ấm trùm kín đầu trong khi O Kha chỉ mặc một chiếc áo laine cũ. Mưa đã tạnh nhưng nước vẫn còn đọng trên các bụi cây lá cỏ khiến ba người khách khá vất vả mới theo kịp O. Đi chừng hai mươi phút thì O Kha dừng lại cùng ba người khách hướng mắt thẳng lên phía “Núi Ông Giàng”. Trong khi ba người đứng lại thở hổn hển thì O Kha chỉ tay về phía núi: *“Đây là Núi Bà của Đà Lạt ai cũng biết nhưng đối với người Thượng ở đây, họ gọi là ‘Núi Ông Giàng’ – là vị thần có quyền ban ơn hay giáng họa xuống dân làng nếu họ làm những điều không vừa ý của Giàng...Trong một năm nếu Giàng thấy dân làng làm nhiều điều khiến Giàng không vừa ý thì khoảng tháng mười hai âm lịch Giàng thả lửa cho cháy trên đỉnh núi cả tháng trời, người Kinh ở dưới Đà Lạt đều nhìn thấy vòng lửa này vào ban đêm mà họ cho là nạn cháy rừng...”*. Cả ba người khách lắng tai nghe, hai người khách không phải là dân Đà Lạt bắt đầu run lập cập, hai hàm răng của họ đánh vào nhau nghe thành tiếng. O Kha thấy vậy bèn đưa họ xuống đồi. Thật xa bên dưới là một vùng ánh sáng của thành phố Đà Lạt lúc ẩn lúc hiện sau màn sương đục của núi rừng cùng với tiếng gió vi vút thổi qua ngàn thông. Cả ba người khách đều có cảm giác sợ hãi khi chứng kiến cảnh núi rừng âm u huyền bí trong bức màn đêm.

O Kha nhường tấm chăn dày và thêm mớ đồ ấm cho hai vợ chồng nằm trên bộ ván thô sơ, còn O Kha và bà Hà thì trải chiếu nằm trên mấy tấm ván đặt ở dưới đất. Ánh đèn dầu leo lét soi đủ thấy đàn chuột vẫn chạy quanh trong nhà kiếm ăn và mấy chú rắn quấn thân nằm im trên trần nhà. O Kha vì làm việc và tiếp khách mệt nên chỉ chừng năm phút sau O đã ngủ. Ba người còn lại tuy nằm im nhưng không người nào chợp mắt được vì lẽ quá lạnh – cái lạnh mà ba người khách không thể tưởng

tượng được trước khi đến đây. Chốc chốc họ trở mình, quay qua quay lại tạo thành tiếng động nghe rõ. Đôi vợ chồng nói chuyện thì thào nhưng họ cũng không dám cử động mạnh vì sợ lũ chuột nghe tiếng động sẽ mò tới thì mang họa. Chốc chốc họ cũng đưa mắt nhìn lên trần nhà lờ mờ ánh sáng thấy mấy con rắn đang quấn mình nằm yên. Tai họ còn nghe rõ tiếng gió rít vèo vèo xuyên qua các khe hở của vách chòi làm bằng ván thông. Chưa bao giờ họ nghe tiếng hú của gió rợn người như thế nên cả hai trách nhau tại sao lại đến thăm nơi này làm gì, tại sao xin ở lại đêm, rồi họ lại trách bà Hà rủ rê. Họ kéo tấm chăn lên trùm kín cả đầu nhưng cũng không ngăn được tiếng gió hú dường như tiếng gào thét của muôn ngàn linh hồn ma quỷ từ những cõi xa xôi vọng về.

Vào khoảng giữa đêm O Kha mở mắt thức dậy nghe tiếng động và tiếng thì thào của hai vợ chồng người khách, bà Hà kể bên cũng rục rịch trần trở. O tung tấm chăn mỏng, đặt chân ra đất, đứng dậy đi tìm mớ củi đặt ngay giữa nhà và dùng thanh củi ngoi lửa đốt sáng cả căn chòi. Cả ba người khách cũng choàng tỉnh dậy vội vàng bước xuống ngồi quanh đồng lửa để hơi cho ấm. O Kha nhóm bếp nấu nước sôi pha trà và mang đến bên đồng lửa rót mời ba người. Như được giải cứu ra khỏi cái lạnh và tiếng gió hú, cả ba người bưng các chén trà vào hai lòng bàn tay rồi để xuống, cho cả hai bàn tay lên mặt để xoa tan cái lạnh đã bám vào da mặt tái mét. Người phụ nữ tên Thanh trong đầu cứ lan man nghĩ rằng: *“Có lẽ cái bà Kha này là phù thủy nên mới sống chung với lũ chuột lũ rắn...mà không biết bà ta từ đâu đến đây...lại nói tiếng Huế... sống với mấy người Mọi...”*. Như đọc được ý nghĩ của người khách lạ nên sau khi uống một ngụm trà, O bắt đầu câu chuyện mà O đã sắp đặt trước trong đầu nhằm đánh lạc hướng tông tích của O mà O không muốn cho ai biết. O nghĩ nếu câu chuyện này được lan truyền xuống dưới phố Đà Lạt đến tai người cậu thì ông ta cũng coi như chuyện hoang đường mà thôi. Vừa suy nghĩ như thế thì O nghe câu hỏi từ người đàn bà tên Thanh. Bà ta hỏi: *“Không biết trước kia O Kha ở đâu mà nay về sống nơi núi rừng cô quạnh này...?”* O Kha mỉm cười vì

tiên đoán của O đã xảy ra đúng như O nghĩ. O đặt chén nước đang uống xuống nền đất, bỏ thêm vài nhánh củi khô vào lửa rồi nói:

“Câu chuyện của tui dài dòng nhưng tui xin vắn tắt như ri. Gia đình tui xưa kia sống ở thành phố Nha Trang, cha mẹ chết sớm và được một thương gia người Pháp nuôi. Cách đây lâu lắm rồi người cha nuôi lên Đà Lạt chơi và cho tui đi theo cùng với vợ của ông ấy. Trong một lần đi săn ông ta bị cọp tấn công và kéo xác vô rừng mất dấu. Người đi săn cùng ông ta – cũng người Pháp và một người Việt Nam thấy thế bỏ chạy...mà họ quên tui đang ngồi chờ ở một góc rừng. Sau hai ngày sợ hãi và đói khát tui được mấy người Thượng ở dưới chân Núi Bà cứu và đưa về đây sống với họ. Thấy họ biết nói tiếng của mình và giúp đỡ nhiều thứ nên tui ở đây luôn...tui không còn bà con thân nhân chi hết...”. Nói đến đây O Kha đưa tay ra dấu cho mọi người im lặng rồi đứng dậy rón rén bước tới vách chòi phía sau ghé mắt nhìn qua khe hở. Hai đốm sáng to bằng hai viên bi thủy tinh đang chiếu thẳng vào mắt O. O quay đầu lại nói nhỏ với ba người khách: “Có ôn về...ôn ba mươi về...”. Cả ba người đều ngơ ngác không hiểu cho đến khi O nói: “Có ông cọp về...có ôn ba mươi về...”. Vừa nghe đến tiếng “cọp” thì hai người khách đàn bà té xỉu bên đống lửa. Người đàn ông mặt đang hồng hào bởi lửa ấm chuyển ngay sang màu tái nhợt như mặt người chết. O Kha vội chạy đi lấy chai dầu gió tới thoa lên màng tang, lên cổ của hai người cho đến lúc cả hai tỉnh lại. O nói: “Ôn đi rồi...đừng sợ...Ôn đi rồi...đừng sợ...”.

Sáng hôm sau O Kha nấu một nồi cháo trắng mời mọi người ăn trước khi dắt họ xuống đồi. Mỗi người được O tặng một ít khoai lang và khoai mì và mấy giò lan rừng. O tin chắc họ sẽ mang câu chuyện do O kể và chuyện “ông ba mươi” cho nhiều người nghe. O đưa họ xuống khỏi làng Mang Lát mới quay gót lên đồi.

VI

Bảng đi gần hai tháng, ông Đội Có và Claire Dubois không gặp nhau. Nhân mùa lễ Pâque (30) ông bà Đội ghé khu Cité Decoux để thăm Dubois và tặng cặp rượu vang Beaujolais mà ông nhờ vợ của một người bạn cùng làm trong đội ngự-lâm-quân mua giùm từ Sài Gòn. Trong buổi thăm viếng này ông Đội cũng phân trần đủ điều về sự mất tích của đứa cháu mà ông đã bỏ công để đi tìm nhưng cho đến nay vẫn chưa có tin tức. Phần Claire Dubois thì chưa nguôi ngoai nỗi nhớ cô gái Huế xinh đẹp mà ông dự tính làm đám cưới rồi đem về Pháp ở xứ Pretagne giàu có với gia tài kếch xù của cha mẹ để lại. Bà Mạì ngồi yên lặng nhìn ông Đội và Claire Dubois nói chuyện. Dubois không còn niềm nở như những ngày trước. Nhiều lần bà nghe Dubois nhắc đến tên Phi Yến đầy vẻ trù mến. Bà nghĩ: *“Phải chi hồi đó lão ta đừng giở trò đồi bại với con Phi Yến thì nó đâu có bỏ Đà Lạt mà đi...”*. Bà cũng nhìn xem thái độ lúc nói chuyện của Dubois để biết lão có đòi lại số tiền đã đưa cho ông Đội hay không. Sau hơn nửa tiếng đồng hồ chuyện trò, ông Đội xin phép ra về và không quên hứa sẽ tiếp tục nhờ người đi tìm Phi Yến. Phần bà Mạì thì nhẹ nhõm người khi không nghe thấy Dubois nhắc đến món tiền và chiếc áo lông cừu.

Một buổi chiều khi ông Đội vừa tắt máy chiếc motobécane bước vô nhà thì bà Mạì đưa cho ông một bức thư gửi từ Huế, ngoài bì thư đề tên Phan Hữu Cầm. Ông Đội lấy làm vui vì có lẽ đây là thư ông Cầm báo tin về đứa con dâu. Ông ngồi xuống ghế, lấy trong túi áo ra chiếc kính lão rồi vội vã mở thư dán mắt vào đọc. Thư đề ngày 15 tháng 6 năm 1947 viết rằng:

“Thưa ông bà Đội. Tôi viết thư này để báo cho ông bà biết là ngày 1 tháng 6 vừa rồi có hai lính mật thám người Pháp đi với một ông thông ngôn đến nhà tôi hỏi chuyện về đứa con dâu của tôi. Họ hỏi tôi có biết con Phi Yến hiện giờ ở đâu hay không? Họ còn đe dọa là nếu tôi giấu con Phi Yến ở đâu mà họ tìm được thì tôi sẽ bị tội rất nặng. Tôi không

(30) Pâque: Lễ Phục sinh

biết ông bà Đội đã để con Phi Yến đi đâu và tại sao có mấy thằng Tây mật thám tới hạch hỏi tôi. Ông bà Đội trả lời cho tôi biết chuyện này...”

Vài dòng vắn tắt trong bức thư khiến ông Đội nghĩ ngay là lão Claire Dubois nhờ đến bọn mật thám ở Huế đi tìm kiếm. Ông tức tối trong bụng và nguyên rửa lão Tây già háo sắc. Ông kể chuyện nội dung bức thư cho bà Mai nghe và nói: *“Tui đã nói rõ ràng đầu đuôi câu chuyện khi tui ra Huế cho ông Cầm nghe rồi, có chi mà nói nữa...”*. Ông bước ra cửa và mỗ máy xe phóng đi khi trời đã sụp tối. Bà Mai không giấu được sự lo âu.

Phi Yến coi như đã mất tích hơn một năm. Suốt một năm qua hai vợ chồng ông Đội thường hay cãi vả nhau về việc đưa cháu đi không trở lại. Bà đổ lỗi cho ông, ông đổ lỗi cho bà. Nhiều lúc họ gây gổ nhau lớn tiếng khiến những người hàng xóm chung quanh cũng nghe được lỏm bẻm câu chuyện. Những lúc xem chừng như đến lúc quá căng thì ông Đội vội vàng ra cửa đạp nổ máy chiếc motobécane phóng đi, có khi đến ngày hôm sau mới trở về. Vợ ông, bà Mai những lúc đó cũng dẫn cơn thịnh nộ và nghĩ tới việc chỉ *“cầu Trời khẩn Phật cho con Phi Yến trở về”*. Nhiều lúc có vài người hàng xóm cũng hỏi đến đứa cháu gái của ông bà, khi đó bà lại vui vẻ trả lời với họ rằng: *“Cháu tui nó về ngoài nó ở luôn vì không chịu được cái lạnh ở trong ni...”*. Vào dịp lễ giáng sinh và tết trời lạnh bà đem chiếc áo choàng lông cừu của Phi Yến khoác vào người thì bị ông Đội mắng cho một trận. Bà tủi thân ngồi khóc và cảm râm đủ mọi chuyện để cuối cùng thều thào *“răng tui ưng ông... răng tui ưng ông...”*. Lúc phải rời khỏi nhà bà Mai thường tránh né những người mà bà cho là ưa xoi mói, dòm ngó đến chuyện của gia đình bà. Một hôm bà đi chùa nhân ngày vía Phật Di Lặc thì bị bà Thái cũng có mặt hôm đó chặn lại hỏi: *“Nghe nói đứa cháu gái của ông Đội về Huế bị người ta bắt cóc rồi phải không?”*. Bà Mai trợn mắt nhìn bà Thái, nguyệt một cái rồi bỏ đi...”. Không biết ở đâu ra những tin tương tự như thế thỉnh thoảng bà vẫn nghe từ mấy bà hàng xóm khiến bà tức lắm nhưng không nói gì được.

Về phía ông Claire Dubois, thỉnh thoảng cũng ghé nhà ông Đội để hỏi thăm tin tức của Phi Yến nhưng cũng chẳng nhận được tin gì vui và mỗi lần như thế bà Mai cứ nơm nớp lo sợ là Dubois đòi lại số tiền hần đã đưa cho ông Đội trước đây, nhất là chiếc áo lông cừu. Trái lại, Dubois cũng cho ông bà Đội biết là ông ta có nhờ mấy người bạn ở Huế lẫn Sài Gòn tìm giùm Phi Yến. Dubois cũng không còn mời ông Đội đi ăn uống như dạo trước - điều mà ông Đội muốn để tránh việc hần ta hạch hỏi về Phi Yến. Ông có đem chuyện đứa cháu về Huế mất tích kể cho vài người bạn làm trong đội ngũ lâm quân nghe và nhờ họ tìm cách giúp. Ai cũng hứa nhưng chuyện đâu vẫn còn đấy. Ông buồn lắm! Những khi ngồi uống rượu một mình ông lại tự trách là lỗi tại mình mới sinh ra chuyện như vậy. Mặt mày ông xuống sắc thấy rõ và trở nên lầm lì, nói năng không còn linh hoạt, ngay cả khi nói chuyện với bà Mai. Những người trong đội ngũ lâm quân cũng thấy rõ sự thay đổi nơi ông, ít nói ít cười hơn xưa.

Bà Mai nhiều lần thấy chồng ngồi uống rượu một mình cũng tỏ vẻ lo ngại và khuyên ông nên quên chuyện con Phi Yến. Cho đến một ngày ông Đội được đại úy Ngữ cho biết là ông có tên trong danh sách chuyển công tác đến đại đội hiến binh (31) mới thành lập ở Ban Mê Thuột. Ông Đội không ngạc nhiên lắm và nói với đại úy Ngữ: *“Chắc tui phải làm đơn xin giải ngũ chớ lên chi cái xứ khổ ho cò gáy nó...”*. Đại úy Ngữ là người cùng làng với ông Đội ở ngoài Huế, nhiều lần giúp đỡ cho ông Đội những chuyện liên quan đến công vụ cũng như chuyện gia đình. Nghe thế đại úy Ngữ nói theo: *“Tui thấy anh cũng nhiều tuổi rồi, anh cũng nên xin giải ngũ là vừa...chớ lên Ban mê Thuột không tiện đâu...”*.

Hai hôm sau ông Đội cầm tờ đơn viết tay vào sổ để đại úy Ngữ xác nhận rồi chuyển đến phòng công văn thuộc sở nhân viên của quốc trưởng Bảo Đại. Ba tuần sau ông nhận được lệnh giải ngũ do đại úy Ngữ đích thân mang đến tận nhà đưa cho ông. Một bữa tiệc do đội ngũ lâm quân tổ chức tại câu lạc bộ thể thao thành phố để khao ông

(31) Hiến binh (Gendarme): Quân cảnh (Military Police - MP)

được giải ngũ. Trong bữa tiệc này có sự hiện diện của Claire Dubois và một số người Pháp thân với ông. Ông Đội nhận được bằng tướng lục của văn phòng quốc trưởng Bảo Đại.

Sau hơn hai tháng dọn dẹp căn nhà ở đường Chaigneau, sắm sửa đồ đạc, liên lạc để mua các mặt hàng tạp hóa đồng thời xin giấy phép mở tiệm, bà Mai lên chùa Linh Quang ở số 4 để nhờ thầy Kiết Ma chọn giùm ngày tháng tốt để khai trương. Đến dự ngày khai trương có cả đại úy Ngử và một số bạn cũ trong đội ngự lâm quân tới dự. Trước khi ra về mỗi người đều mua một món để mở hàng cho tiệm tạp hóa “Petit Bazaar”. Cũng hôm đó nhiều người quen trong Ấp Ánh Sáng cũng kéo tới mua hàng để ủng hộ ông bà Đội. Sau một ngày vất vả vì tiếp khách và bán hàng, buổi tối ông bà Đội đi bộ về nhà. Bà Mai nói với ông Đội: *“Ông còn nhớ là mình có nói với con Phi Yến là mình sẽ mở tiệm tạp hóa ni cho nó đứng bán, ai dè chừ mình phải đứng bán thay nó...Không biết bây chừ nó trôi dạt ở phương mô...”*. Giọng bà như muốn khóc. Ông Đội cho cả hai tay cho vào túi áo lạnh bước trong lặng yên.

VII

Thấm thoát mà O Kha đã ở với dân làng Mang Lát được hai cái tết. Nếu không có Xà Biên và Kờ Na báo tin cho O biết thì O cũng chẳng bao giờ biết đến tết là gì. O biết mình đang hiện hữu như một phép lạ giữa nơi đồi núi hoang vu suốt ngày chỉ nghe tiếng gió hú trên đồi thông, tiếng hót ngày đêm của nhiều loài chim lạ, tiếng róc rách của con suối chảy lượn quanh đồi, cảnh vật thiên nhiên hùng vĩ hoang dã với sương sớm mưa chiều, những đêm trăng vắng vặc soi hai đỉnh núi cao huyền bí... Đặc biệt là những con người của núi rừng hào hiệp và từ tâm. Những điều suy nghĩ trên O coi như là một món quà vô giá mà ông trời đã ban tặng cho O trên bước đường cùng của sự tuyệt vọng và đau khổ. O chưa bao giờ có một tiếng than van vì lạnh, không chút sợ hãi khi nghe tiếng gió như thét như gào bên tai trong những đêm lạnh lung cô tịch.

Chuyện lạ nhất vẫn là lũ chuột lũ rắn không biết từ đâu kéo đến sống cùng với O mà O chưa bao giờ có cảm giác sợ sệt, lại thêm mấy “ngài ba mươi” thỉnh thoảng xuất hiện phía sau căn chòi. Với O, những sự việc trên nếu không tận mắt chứng kiến thì khó có ai tin được nếu chỉ nghe kể mà thôi. O hay nghĩ: *“Có lẽ số phận của mình đã đưa đẩy mình đến nơi này...nơi những người của bản Thượng đầy lòng nhân ái và hào hiệp. Nếu không có họ, không biết giờ này mình đã ra sao và trôi dạt đến chốn nào khi mình muốn thoát ra khỏi vòng tay của người cậu và trước đó là gia đình bên chồng”*. O thấy mình vẫn còn nhiều may mắn. *“Thôi thì mình cứ mãi mãi ở nơi đây như một dân bản Thượng cũng được chứ có sao đâu...Lũ chuột lũ rắn và ông ba mươi không hại mình...người Thượng không hại mình thì có sao phải rời bỏ nơi này...”*. Từ tên Phi Yến – Hồng Khắc Phi Yến đã trở thành tên Kha – O Kha – đã biến O trở thành một nhân vật của một cuộc đời khác mà nhớ lại O không nghĩ mình có thể đổi đời được như thế. Nó đã thuộc về một quá khứ đầy gian truân khổ lụy mà O chưa một lần được tỏ bày cùng ai. Mà còn ai nữa để bày tỏ...

Xà Biên và Kờ Na kể cho O nghe cảnh buôn bán mua sắm tấp nập dưới chợ Đà Lạt trong những tuần lễ trước tết. O ngồi im nghe nhưng lòng nao nao nhớ lại những ngày tết khi O còn tuổi thơ ấu ở ngoài Huế với ngôi nhà thấp mái tranh nằm sát bờ tre bên dòng sông Hương trong vắt lững lờ trôi. O mang theo nỗi bất hạnh vì mất cha mất mẹ. Cha bỏ mẹ đi theo người tình. Mẹ mất sớm vì không tiền chạy chữa cơn bạo bệnh. Người thiếu nữ xinh đẹp bơ vơ không nơi nương tựa lại phải gạt nước mắt về nhà chồng như một con ỏ. Đến khi chồng chết lại sa vào bẫy đời của người cậu ruột ở cái xứ xa xôi lạnh lẽo. Quảng đời bất hạnh đó O nhất định phải bỏ lại sau lưng, bỏ dòng sông của tuổi thơ còn đầy mơ ước, bỏ cả hồ nước trong xanh mà O ao ước được một lần đặt đôi bàn chân xuống. Giờ đây tất cả đã thuộc về quá khứ. Nhiều lần khi màn đêm vừa buông xuống, sương chưa phủ kín núi rừng hoặc những cơn mưa chưa vội kéo về, O Kha vẫn thấy một vùng ánh sáng mờ mờ ảo ảo của thành phố Đà Lạt. Vào những buổi sáng khi lớp sương còn dày đặc

quanh căn chòi lưng chừng đồi thì O chẳng nhìn thấy dấu tích gì của một thành phố chừng như đang yên ngủ cùng cỏ cây hoa lá ở xa xa bên dưới. Vì bận rộn với công việc trồng tỉa chăm bón góc vườn rau trái và giàn phong lan rừng nhật hạnh được. Những mái nhà sàn của bản dân Mang Lát lại là hình ảnh thân quen mà O vẫn thấy hàng ngày. Những buổi chiều sương lạnh và nhiều gió, nhìn những làn khói xám bốc lên từ những căn nhà sàn O cũng thấy ấm áp lạ thường.



O biết hôm nay là mùng một tết. Việc đầu tiên của buổi sáng là O thắp nhang trong nhà rồi đem đi cắm quanh nhà. Hương nhang bay tỏa cả một khoảng không gian và bám cả vào người O. O biết đêm qua có “ngài ba mươi” về vì đám cỏ vườn sau nơi “ngài” thường nằm bị rạp xuống. Trở vào nhà O lấy gạo rải vào các góc nhà cho “mấy đứa con” ăn. Nhìn lên trần nhà nhìn mấy chú rắn đang trườn mình trên mấy cây kèo cây cột. O có cảm giác thật bình yên và giờ đây O thực sự là

người thuộc về núi rừng cây cỏ, thuộc về bầu trời xanh và bông hoa, thuộc về gió về sương, thuộc về những cơn mưa và dòng suối...Chính O đã chọn lựa chúng cho đời mình. Chọn lựa cả sự im lặng mà O coi như sức mạnh của phản kháng. Cuối cùng, O là người đang dạo bước trong tranh - một bức tranh muôn màu muôn sắc...và có cả hương thơm...”

Phong Châu

Tháng Giêng – 2026



